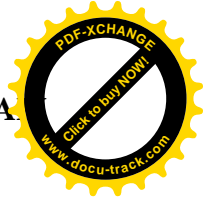
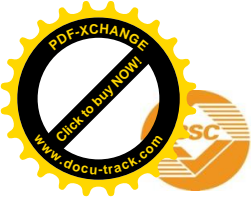


BCTN 2009

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2009

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2010

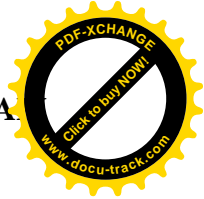
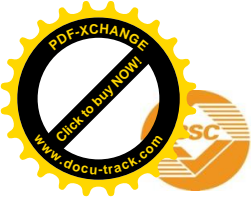


BCTN 2009

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NỘI DUNG

ITEM	Page
Thông điệp của Giám đốc công ty BSC	3
Tổng quan kinh tế 2009	4
Lịch sử hoạt động BSC	13
Cơ cấu tổ chức BSC	16
Báo cáo của Ban Giám đốc	18
Bản giải trình BCTC và BCKT	30



BCTN 2009

THÔNGIỆP CỦA GIÁM ĐỐC BSC

Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu suy thoái, kinh tế trong nước đang đối mặt với nhiều khó khăn. Cùng với xu hướng thế giới chính phủ Việt Nam đã và đang thực hiện các biện pháp điều hành quyết liệt nhằm chặn đà suy giảm kinh tế, ổn định vĩ mô và hướng tới tăng trưởng bền vững. Với chính sách kích cầu hàng tỷ USD, Việt Nam nằm trong số 10 nền kinh tế tăng trưởng dương; cam kết ODA đạt mức kỷ lục hơn 8 tỷ USD.

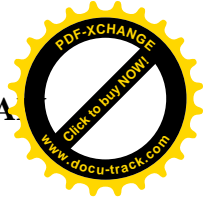
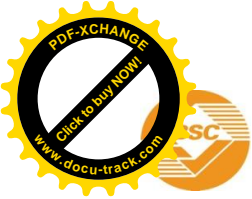
Đứng trước nhiều cơ hội nhưng cũng không ít các thách thức, BSC với sự nỗ lực của toàn thể cán bộ đã hoàn thành tốt nhiệm vụ kinh doanh đặt ra. Có thể nói năm 2009 là năm BSC đã vượt lên trên những khó khăn của chính mình, xây dựng được một nền tảng vững chắc tạo bước đà cho năm 2010 được xác định là năm mở đầu cho một giai đoạn mới của hoạt động Công ty, bắt đầu của kế hoạch 05 năm 2010-2015 sau cổ phần hóa. Các chỉ tiêu thu hoạt động của Công ty đều có sự tăng trưởng về quy mô và chất lượng theo hướng ổn định và bền vững. Các tỷ lệ an toàn tài chính đạt mức an toàn tuân thủ đúng quy định của UBCKNN. Đồng thời, BSC luôn bám sát và đáp ứng yêu cầu của thị trường về các hoạt động nghiệp vụ, triển khai giao dịch không sàn với HOSE, đưa vào hoạt động sàn giao dịch upcom và trái phiếu chuyên biệt.

Năm 2010 được nhìn nhận vẫn sẽ là năm khó khăn đối với phát triển kinh tế - xã hội của nước ta. TTCK sẽ có nhiều dao động mạnh và xu thế đi lên trong 2 - 3 năm tới gặp nhiều thách thức. Do đó, vấn đề đặt ra là các công ty chứng khoán phải nhanh chóng cải tiến sản phẩm tài chính nâng cao năng lực cạnh tranh. Nhận thức được vấn đề trên, BSC luôn kiên định với những kế hoạch, chiến lược trong tương lai, phấn đấu trở thành một trong BSC chứng khoán hàng đầu tại Việt Nam.

Thay mặt BSC, tôi trân trọng cảm ơn sự tin tưởng, tín nhiệm và ủng hộ của các khách hàng, cảm ơn những nỗ lực của Ban Giám đốc và toàn thể cán bộ công nhân viên BSC, cùng với sự quan tâm, hỗ trợ của các cơ quan chức năng đã tiếp sức cho BSC tiếp tục thành công và phát triển.

Trân trọng

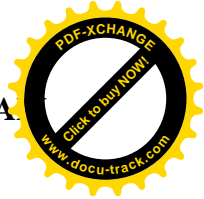
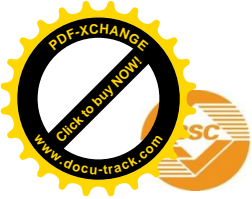
**Ông Đỗ Huy Hoài
Giám đốc BSC**



BCTN 2009

MÔI TRƯỜNG KINH TẾ NĂM 2009

‘Khởi đầu từ cuộc khủng hoảng tài chính và nhà đất tại Mỹ năm 2008, kinh tế thế giới đã bước vào giai đoạn suy thoái kéo dài hơn 16 tháng. Năm 2009, nền kinh tế toàn cầu bước đầu đã cho thấy những bước hồi phục nhất định với các quốc gia Châu Á đóng vai trò là đầu tàu trong quá trình vực dậy nền kinh tế khu vực. Các nỗ lực ngăn chặn mức độ suy thoái, giúp nền kinh tế phục hồi’.



BCTN 2009

KINH TẾ THẾ GIỚI - NHỮNG ĐIỂM NỔI BẬT

‘Năm 2009 – Sự phục hồi bước đầu của kinh tế thế giới sau các nỗ lực ngăn chặn’

Kích thích kinh tế là trọng tâm

Các quốc gia nỗ lực dọn dẹp đống đổ nát mà cuộc khủng hoảng tài chính để lại. Những biện pháp chính là: Nới lỏng chính sách tiền tệ (công cụ chính là giảm mạnh lãi suất), đẩy mạnh chính sách tài khóa, tung ra các gói kích cầu kinh tế lớn, miễn giảm thuế (tập trung vào kích cầu nội địa) nhằm vực dậy hệ thống tài chính và hỗ trợ doanh nghiệp. Các nền kinh tế hàng đầu thế giới bắt đầu tăng trưởng trở lại.

- Mỹ: là nơi mà cuộc khủng hoảng và suy thoái kinh tế bắt đầu đi tiên phong trong việc khắc phục hậu quả. Gói kích thích kinh tế trị giá 787 tỷ USD nhằm đưa nền kinh tế Mỹ thoát khỏi tình trạng suy thoái tồi tệ.

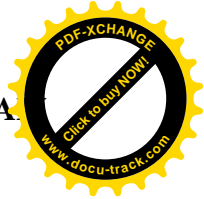
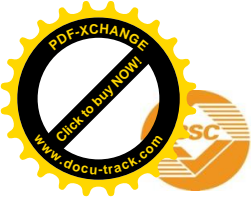
- Anh: cũng thực hiện chính sách “nới lỏng định lượng”, bơm 200 tỷ Bảng (tương đương 330 tỷ USD) vào nền kinh tế. Chính phủ các nước châu Âu khác như Đức, Pháp, Italy, Ba Lan... cũng chi nhiều tỷ USD để đầu tư vào cơ sở hạ tầng, hỗ trợ các doanh nghiệp và người dân.

- Nhật Bản: công bố một gói kích cầu mới vào ngày 07/12 trị giá 81 tỷ USD.

- Lãi suất liên tục cắt giảm trên toàn cầu, cho đến tháng 5/2009 đã đạt mức thấp nhất trong nhiều thập niên qua: Mỹ lãi suất giảm còn 0.25%, ngân hàng ECB cũng mới cắt giảm còn 1%, Trung Quốc là 5.25%... mức lãi suất thấp kỷ lục này sẽ tiếp tục được duy trì trong năm nay.



Diễn biến lãi suất Libor trong 1 năm qua.



BCTN 2009

Thoát suy thoái nhưng tăng trưởng yếu

Với nỗ lực của các chính phủ, các nền kinh tế hàng đầu thế giới đã dần thoát khỏi suy thoái, tuy tốc độ tăng trưởng còn rất yếu ớt.

Thất nghiệp leo thang

Năm nay là năm mà tỷ lệ thất nghiệp ngày càng tăng tại những nền kinh tế hàng đầu.

Sự phá sản hàng loạt của các ngân hàng Mỹ

Các vụ vỡ nợ và đóng cửa ngân hàng vẫn diễn ra đều đặn ở nền kinh tế lớn nhất thế giới. Cơ quan Bảo hiểm tiền gửi Liên bang Mỹ (FDIC) đã phải chi 30 tỷ USD để giải quyết các vụ đóng cửa ngân hàng trong năm nay và dự kiến sẽ phải chi thêm khoảng 100 tỷ USD cho công tác này trong bốn năm tới.

- Mỹ đã bắt đầu tăng trưởng trở lại với tốc độ 2,8% sau 4 quý liền liên tục suy giảm.

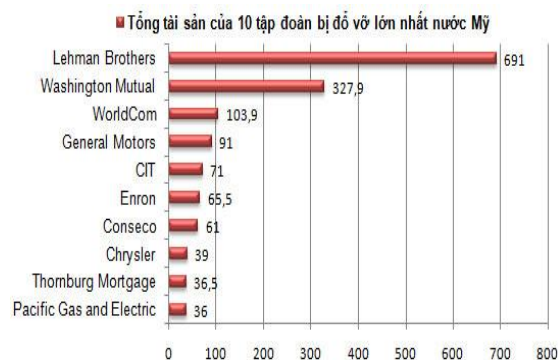
- Châu Âu: Suy thoái cũng đã rời khu vực từ quý 2.

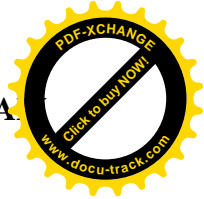
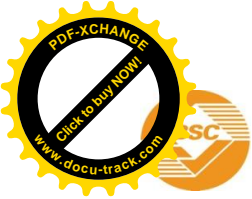
- Châu Á: Tốc độ tăng trưởng của Trung Quốc trên 8% nhờ hoạt động tín dụng mở rộng với tốc độ kỷ lục và gói kích cầu trị giá gần 600 tỷ USD mà Chính phủ Trung Quốc đưa ra vào cuối năm 2008,

- Tại Mỹ, tỷ lệ thất nghiệp trong tháng 10 lên tới 10,2%, cao nhất trong 26 năm, trước khi giảm xuống 10% vào tháng 11. Tại Nhật Bản, tỷ lệ thất nghiệp đã đạt mức kỷ lục 5,7% trong tháng 8. Tại Châu Âu, đội ngũ không công ăn việc làm cũng đang chiếm gần 10% lực lượng lao động.

- Tỷ lệ thất nghiệp bình quân của các nền kinh tế trong Tổ chức Hợp tác và phát triển kinh tế (OECD) là gần 9%.

- Số ngân hàng bị giải thể từ đầu năm tới nay lên tới con số 140. Đây là con số kỷ lục về số vụ giải thể ngân hàng tại Mỹ kể từ năm 1992. Năm ngoái, chỉ có 25 ngân hàng Mỹ đổ vỡ.





BCTN 2009

Nợ công gia tăng và rủi ro khủng hoảng nợ

Đi đôi với tác động tích cực của các gói kích thích kinh tế trong việc đẩy lùi bước tiến của suy thoái là một trong những “tác dụng phụ” có thể xảy ra chính là sự gia tăng của thâm hụt ngân sách, nợ công, và rủi ro về một cuộc khủng hoảng nợ.

Giá vàng lên ngôi và USD giảm mạnh

- lần đầu tiên vị thế của USD thực sự bị thách thức sau hơn 60 năm thống trị tiền tệ thế giới kể từ ngày 44 quốc gia họp nhau tại Bretton Wood, Mỹ vào tháng 7/1944 để thống nhất về hệ thống tài chính - tiền tệ toàn cầu. Các ngân hàng Trung ương và quỹ quốc gia đẩy mạnh việc đa dạng hóa dự trữ theo hướng tăng mua vàng, góp phần làm cuốn sự quan tâm của nhà đầu tư.

Niềm tin của người dân đã trở lại

Chỉ số niềm tin của người dân tại hầu hết các nước đã tăng lên mức cao nhất sau thời gian dài suy giảm. Sự gia tăng của các chỉ số niềm tin trong khảng định đã suy giảm đã chậm lại, các hoạt động kinh tế đang dần được khởi động, môi trường kinh doanh đã có những thay đổi tích cực.

- Mỹ: Trong năm tài khóa kết thúc vào ngày 30/9/2009, thâm hụt ngân sách Mỹ đã lên tới mức kỷ lục 1.400 tỷ USD, tương đương 9,9% GDP của nước này.

- Châu Âu: Tại Anh, nợ chính phủ trong cùng khoảng thời gian được dự báo tăng gấp đôi, lên mức hơn 80% GDP. Đức - nợ chính phủ đang trên đà tăng và dự báo sẽ đạt mức 77% GDP vào năm tới, từ mức 60% GDP vào năm 2002.

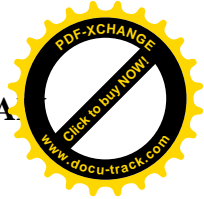
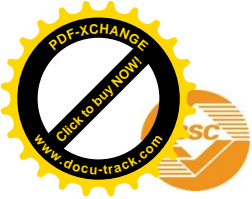
- **Cú sốc" Dubai:** Ngày 23/11, thế giới đón nhận một thông tin Dubai World, doanh nghiệp Nhà nước hàng đầu xin khẩn nợ 59 tỷ USD, hơn 2/3 trong tổng số nợ 80 tỷ USD của Chính phủ nước này, khiến thị trường tài chính toàn cầu chao đảo. Các tiểu vương quốc Arab thống nhất (UAE) tuyên bố xin khẩn nợ cho tập đoàn quốc doanh Dubai World.

- Năm 2009 là một năm đầy ấn tượng của vàng, tăng 39% trong năm nay và mức đỉnh hiện tại là 1.226,1 USD được thiết lập ngày 1/12.

- USD, đơn vị tiền tệ thuộc loại mạnh nhất trên thế giới đã không ngừng rơi xuống mức thấp nhất trong lịch sử. Trong bối cảnh giá dầu mỏ, vàng, hàng hóa tăng mạnh, tỷ giá đồng USD/EUR, tỷ giá USD/GBP, tỷ giá USD/AUD đều trượt giảm.

- Mỹ: chỉ số lòng tin người tiêu dùng tháng 4/2009 tăng hơn 12 điểm lên mức 39,2 điểm. Tiêu dùng của người dân cũng đã trở lại, doanh số bán lẻ và sản lượng sản xuất sẽ được duy trì vững vàng.

- Chỉ số niềm tin vào kinh doanh của các CEO cũng tăng lên mức cao nhất các tháng trở lại đây.



BCTN 2009

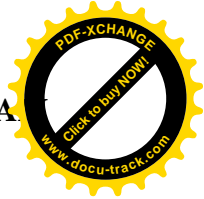
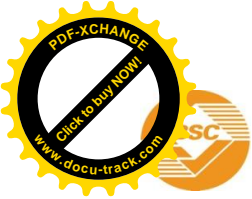
THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Cùng với sự phục hồi của kinh tế thế giới, thị trường chứng khoán và hàng hóa toàn cầu năm nay cũng khởi sắc.

- Trong 11 tháng đầu năm, các loại trái phiếu có định mức tín nhiệm thấp trên thế giới đem đến cho giới đầu tư tỷ lệ lợi nhuận 58%, tiếp đó là thị trường hàng hóa với mức lợi nhuận 36%, vàng (34%), chứng khoán (29%), trái phiếu doanh nghiệp hạng đầu tư (23%), và trái phiếu chính phủ (8%).

- Chỉ số S&P 500 đã tăng 32% kể từ khi chạm đáy vào tháng 3. Ngay cả những cổ phiếu có chất lượng thấp hơn cũng đang cho thấy mức tăng mạnh nhất và do nhà đầu tư lại tìm đến những tài sản có độ rủi ro.

Chỉ số	Mức đáy trong quý 1/2009	Mức hồi phục cao nhất	Mức đóng cửa cuối tháng 11	% thay đổi từ mức thấp nhất lên mức hồi phục cao nhất
DJIA	6.440,08	10.524,40	10.309,92	60,09%
FTSE 100	3.460,71	5.396,96	5.190,68	49,99%
Nikkei	7.021,28	10.767,00	9.345,55	33,10%
Shanghai Composite	1.820,81	3.741,44	3.195,30	75,49%
VNINDEX	234,66	633,21	504,12	114,83%

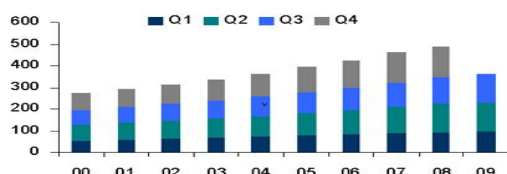


BCTN 2009

VIỆT NAM - Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu suy thoái, kinh tế trong nước đang đối mặt với nhiều khó khăn. Cùng với xu hướng thế giới chính phủ Việt Nam đã và đang thực hiện các biện pháp điều hành quyết liệt nhằm chặn đà suy giảm kinh tế, ổn định vĩ mô và hướng tới tăng trưởng bền vững. Với chính sách kích cầu hàng tỷ USD, Việt Nam nằm trong số 10 nền kinh tế tăng trưởng dương; cam kết ODA đạt mức kỷ lục hơn 8 tỷ USD.

TỔNG QUAN

Tăng trưởng GDP - GDP năm 2009 của Việt Nam tăng 5,32%

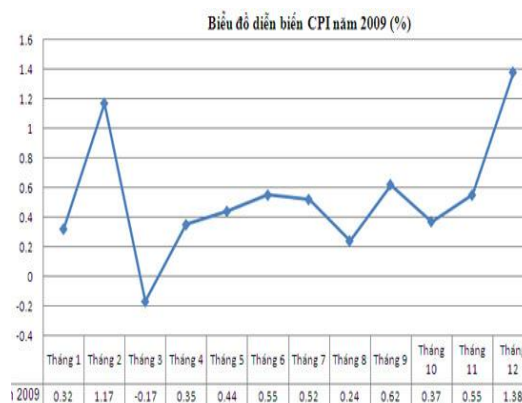


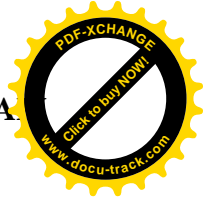
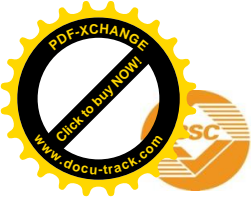
Đồ thị 1: GDP qua các năm (Đơn vị: nghìn tỷ đồng)

Chỉ số CPI - Kiểm chế lạm phát dưới 7%

-Nền kinh tế Việt Nam chạm đáy trong quý I khi công bố tốc độ tăng trưởng thấp nhất kể từ đầu những năm 1990 (3,1%). Sang quý II, nền kinh tế bắt đầu xuất hiện dấu hiệu tích cực với GDP tăng trưởng ở mức 3,9% trước khi tăng tốc lên 4,6% trong quý III và đang trên đà để đạt được mục tiêu cả năm 5,2% của Chính phủ.

Năm 2009, lạm phát tháng 12 cao hơn 6,52% so với cùng kỳ; lạm phát bình quân 12 tháng năm 2009 so với cùng thời kỳ năm 2008 cao hơn 6,88%. Như vậy, Chính phủ đã kiểm chế lạm phát thành công, ở mức dưới 7%.





BCTN 2009

Sản xuất công nghiệp tăng

- Giá trị sản xuất tăng 7,6% so với cùng kỳ năm 2008. Mặc dù có những tín hiệu rất tích cực, mức tăng trưởng tổng thể chỉ đạt một nửa so với tỷ lệ 15,6% của 11 tháng đầu năm 2008. Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3%.

Kim ngạch xuất nhập khẩu

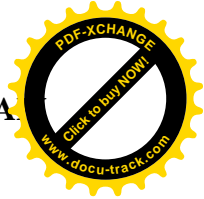
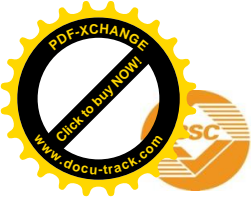
- Tuy kim ngạch nhập khẩu có tốc độ giảm cao hơn kim ngạch xuất khẩu nhưng nhập siêu hàng hoá năm 2009 ước tính vẫn ở mức 12,2 tỷ USD, giảm 32,1% so với năm 2008 và bằng 21,6% tổng kim ngạch xuất khẩu cả năm 2009.

FDI tụt dốc, ODA lập kỷ lục

Các nhà tài trợ vẫn tin tưởng vào triển vọng cũng như quyết tâm cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh của Việt Nam

- Vốn đăng ký đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) của 2009 là 21,5 tỷ USD giảm tới 70% so với năm 2008. Cùng lúc đó, các nguồn ngoại tệ từ bên ngoài như đầu tư gián tiếp nước ngoài, kiều hối, du lịch và xuất khẩu sụt mạnh, khiến Việt Nam đối mặt với nguy cơ mất cân đối thanh toán quốc tế và huy động vốn cho tăng trưởng.

- Cam kết ODA 2009 ở mức kỷ lục hơn 8 tỷ USD, tăng hơn 3 tỷ USD so với năm trước. Tuy nhiên, Việt Nam cũng đối mặt với thách thức không nhỏ khi nợ Chính phủ tiệm cận giới hạn an toàn 40% GDP. Trong khi đó, tỷ lệ viện trợ không hoàn lại và vốn vay ưu đãi có xu hướng giảm dần, khoản vay kém ưu đãi sẽ tăng lên và dần dần được thay thế bằng vốn vay thương mại do Việt Nam tiến sát tới ngưỡng quốc gia có mức thu nhập trung bình.



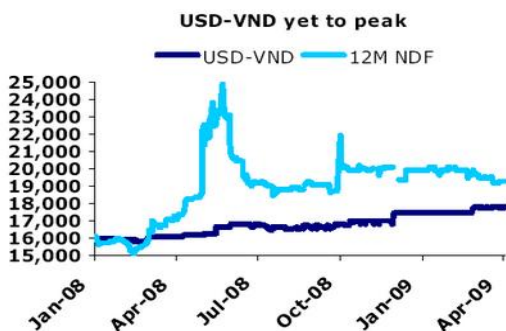
BCTN 2009

THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

Chính sách tiền tệ mở rộng

Năm 2009 – năm của vàng

Đây được xem là hậu quả của tình trạng khan cung kéo dài cùng tâm lý đầu cơ, tích trữ trước nguy cơ VND mất giá.



Diễn biến tỷ giá USD-VND

- Chính phủ cũng thực hiện một loạt các biện pháp nới lỏng chính sách tiền tệ chưa từng thấy trong nhiều năm: Duy trì các loại lãi suất ở mức thấp, lãi suất cơ bản là 7%, giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc từ mức 10% xuống 5%, tăng nguồn cung tiền, các ngân hàng đẩy mạnh tăng trưởng tín dụng.

- Giá vàng lập kỷ lục 29,3 triệu đồng/lượng, tỷ giá USD/VND cũng leo lên mức cao chưa từng có 20.000USD/VND.

- Ngân hàng Nhà nước cho nhập vàng miếng sau hơn một năm cấm. Đồng thời điều chỉnh tỷ giá (tăng tỷ giá bình quân liên ngân hàng thêm 5,44%, giảm biên độ từ 5% xuống 3%) và đề nghị các tập đoàn kinh tế nhà nước bán lại ngoại tệ. Cơn sốt vàng đã hạ nhiệt, song căng thẳng trên thị trường ngoại tệ vẫn chờ các giải pháp mới phát huy tác dụng.

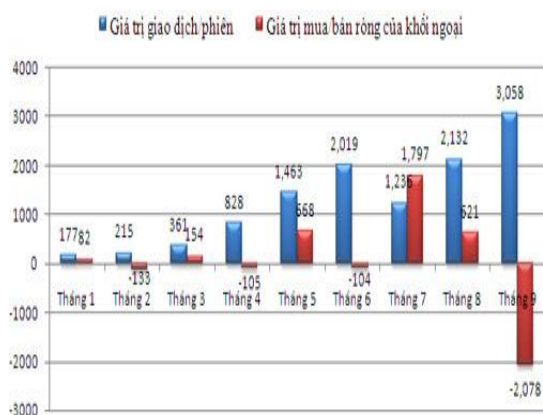
- Sự ra đời của hàng loạt sản vàng trong nước, từ 7 sản vào cuối năm 2008 đến nay đã là 17 sản, với hàng trăm đại lý nhận lệnh và để lại không ít tác động cho nền kinh tế, các doanh nghiệp cũng như nhà đầu tư.

BCTN 2009

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Khép lại năm 2008, VNINDEX dừng ở 315.62 điểm, giảm 6% so với cuối năm 2007

Chứng khoán chạm đáy 235 điểm



Biểu đồ - Nguồn: HOSE, HNX

- Đầu năm 2009, kinh tế thế giới và trong nước có diễn biến xấu khiến VNINDEX kéo dài xu hướng giảm điểm còn 235,5 (24/2), mức thấp nhất kể từ tháng 3/2005. VNINDEX phục hồi đạt 624,1 ngày 22/10. Tính cả năm, VNINDEX tăng 57%, kết thúc năm ở 494.77 điểm. VNINDEX tăng 60% giá trị, giá trị giao dịch đạt kỷ lục 9.000 tỷ đồng

- Mạch tăng nhiều phen đứt quãng khi giới đầu tư đối mặt với hàng loạt tin đồn thất thiệt, những biến động mạnh trên thị trường tiền tệ, quỹ đầu tư Indochina Capital thoái vốn, các vụ vỡ nợ trên sàn OTC, và các biện pháp mạnh tay chặn dòng tiền từ nguồn vốn kích cầu...

Các sự kiện chứng khoán nổi bật trong năm

Cuối tháng 10, giá trị vốn hóa TTCK Việt Nam bằng 55% GDP, là mức cao nhất trong năm 2009, gấp 3 lần so với năm 2008.



Diễn biến VNINDEX năm 2009

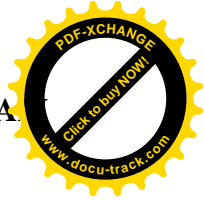
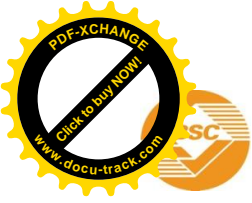
- Các công ty CK cho khách hàng bán chứng khoán vào T+2, T+3, thậm chí T+1. Thị trường phụ thuộc nhiều vào đồn bậy tài chính và đặc biệt là dòng tiền nóng từ chương trình kích cầu.

- HOSE chính thức triển khai giao dịch trực tuyến vào ngày 12/01 nâng cao tính thanh khoản trên thị trường.

- Miễn thuế TNCN từ đầu tư chứng khoán năm 2009.

- HNX chính thức khai trương vận hành thị trường giao dịch chứng khoán công ty đại chúng chưa niêm yết (upcom) vào 24/6.

- HNX chính thức đưa hệ thống giao dịch TPCP chuyên biệt vào hoạt động vào ngày 24/09/2009.

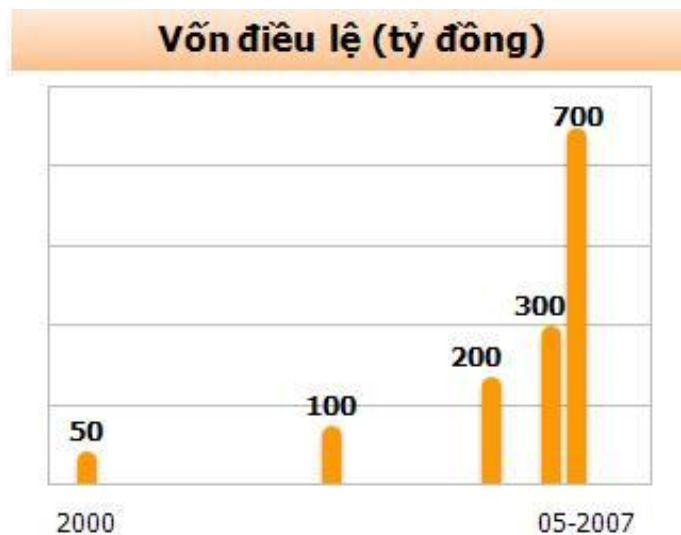


BCTN 2009

LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA BSC

THÀNH LẬP

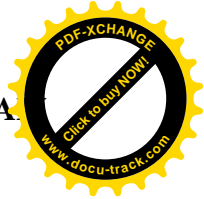
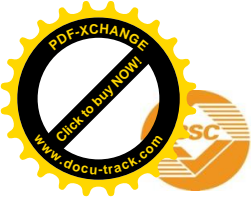
Khai trương vào ngày 7 tháng 7 năm 2000, Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC) vinh dự trở thành Công ty chứng khoán đầu tiên trong ngành ngân hàng tham gia kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán. Trong năm 2007, BSC đã tiến hành tăng vốn điều lệ lên 700 tỷ đồng.



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104000001 ngày 31/03/2000 và được UBCKNN cấp Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 02/GPHĐKD ngày 26/11/1999).

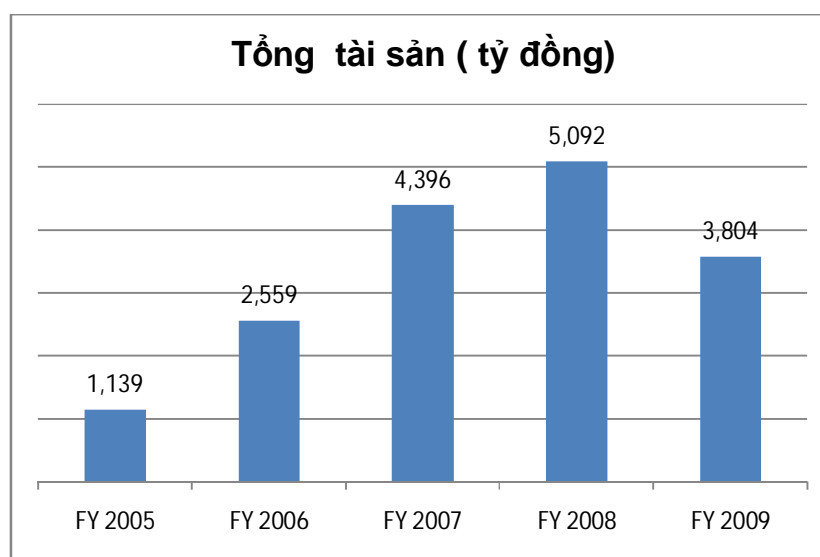
- Dịch vụ Môi giới, lưu ký chứng khoán
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán
- Tư vấn tài chính và Đầu tư chứng khoán
- Các dịch vụ khác



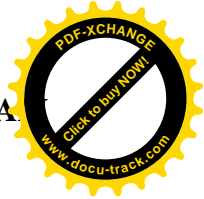
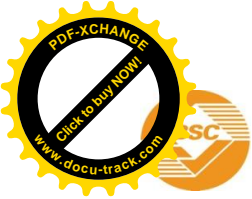
BCTN 2009

BSC - QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN

- Là BSC con có 100% vốn do Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam – BIDV, một trong bốn ngân hàng thương mại Nhà nước lớn tại Việt Nam.
- Từ những ngày đầu thành lập BSC đã có mặt tại hai trung tâm tài chính lớn nhất của Việt Nam là Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh
- Sau 9 năm xây dựng và phát triển, hiện vốn điều lệ của BSC đã lên tới 700 tỷ đồng và giá trị tài sản đạt hơn 3.500 tỷ đồng.

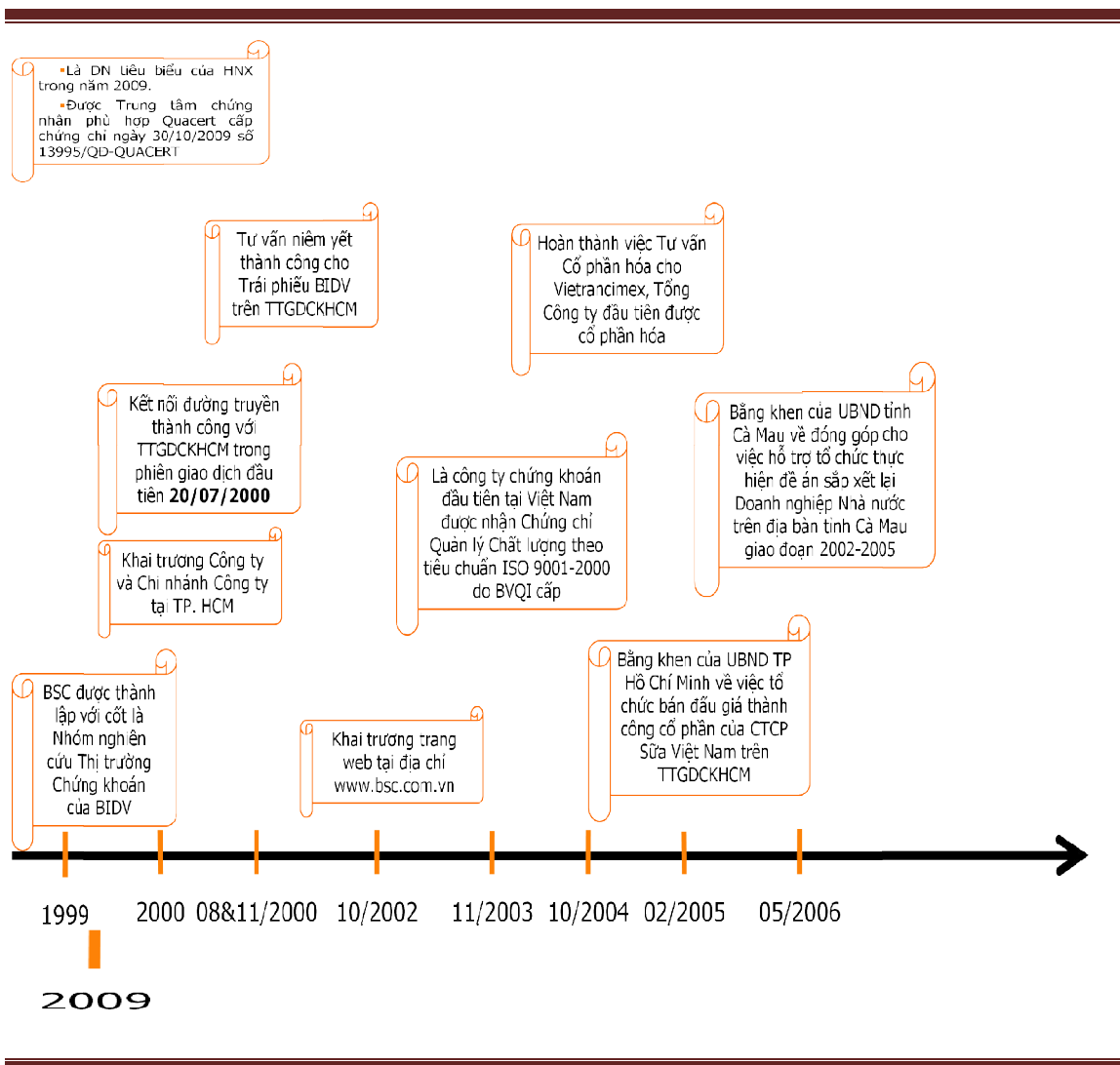


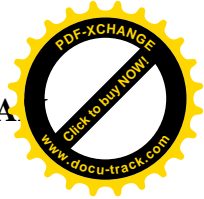
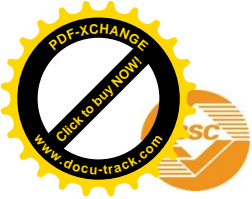
- BSC đã thiết lập mạng lưới trên khắp cả nước với 14 điểm hỗ trợ giao dịch (tại thời điểm tháng 31/12/2009). BSC cũng đang vươn ra các thị trường nước ngoài thông qua sự hợp tác chiến lược với các đối tác nước ngoài.
- BSC đã xây dựng được quan hệ hợp tác tốt đẹp với các thành viên trên thị trường như các công ty chứng khoán và ngân hàng đầu tư, các quỹ và tổ chức tài chính, giới đầu tư và doanh nghiệp cũng như các cơ quan quản lý tại Việt Nam.



BCTN 2009

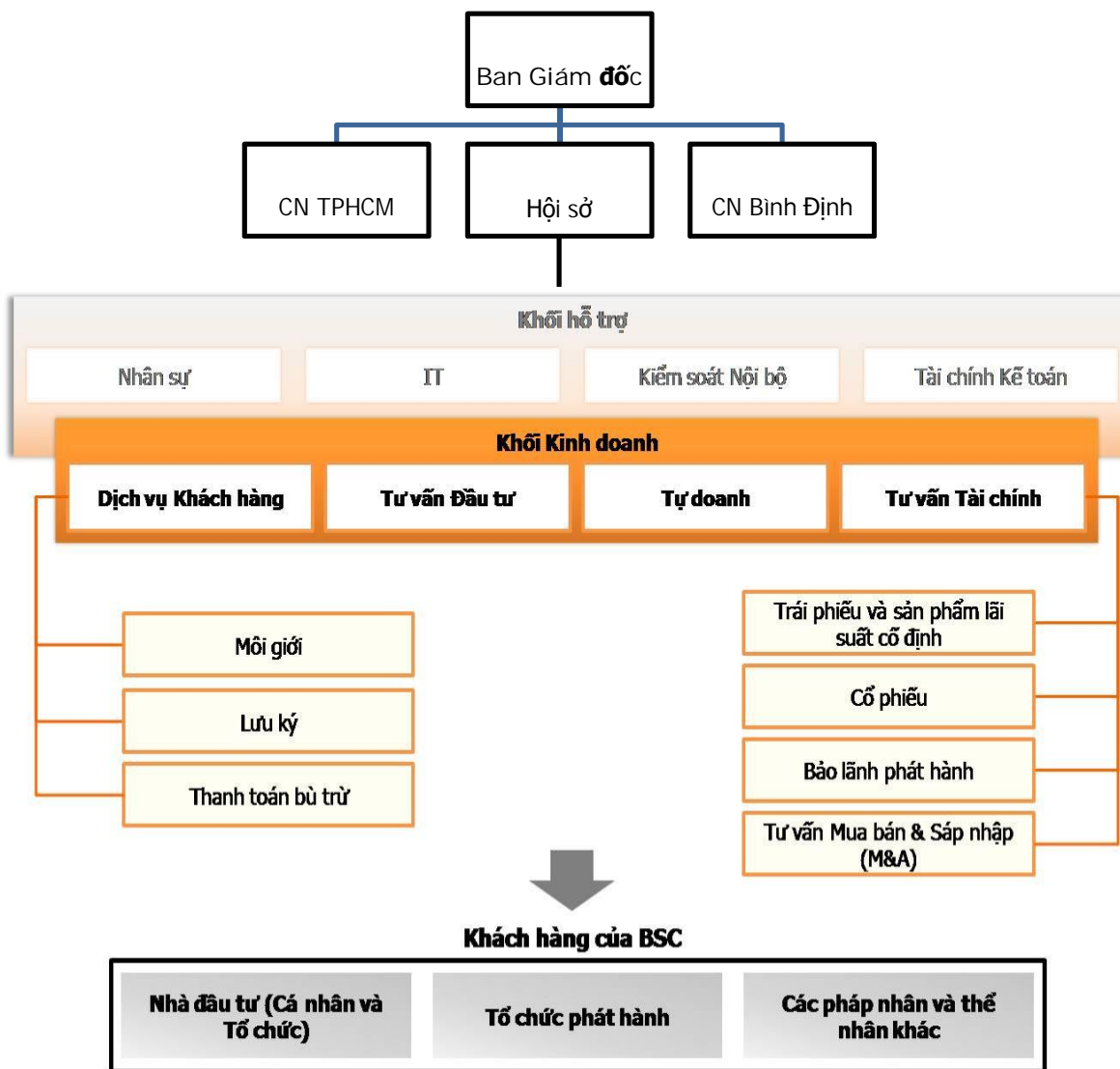
NHỮNG SỰ KIỆN NỔI BẬT

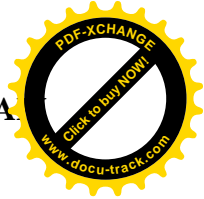
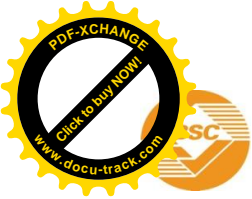




BCTN 2009

CƠ CẤU TỔ CHỨC





BCTN 2009

**CÁC
THÀNH
VIÊN
BAN
GIÁM
ĐỐC**

Giám đốc – Ông Đỗ Huy Hoài

Sinh năm 1963
Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng – ĐH Kinh tế Quốc dân.
Quá trình công tác: Công tác tại BIDV từ tháng 02/2000.
Được bổ nhiệm Giám đốc BSC vào 01/01/2007.

Phó Giám đốc – Bà Lưu Diễm Cẩm

Sinh năm 1974
Cử nhân Luật – ĐH Luật Hà Nội.
Quá trình công tác: Công tác tại BSC từ tháng 03/2000.
Được bổ nhiệm Phó Giám đốc BSC vào 01/05/2006

Phó Giám đốc – Ông Nguyễn Quốc Tín

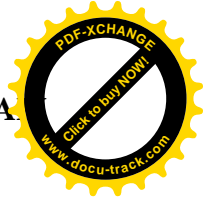
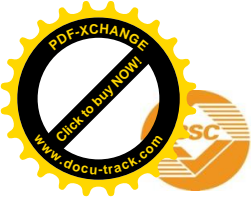
Sinh năm 1977
Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác: Công tác tại BSC từ tháng 10/2009
Được bổ nhiệm Phó Giám đốc BSC vào tháng 11/2009

Phó Giám đốc – Ông Nguyễn Văn Thắng

Sinh năm 1977
Thạc sỹ Kinh tế - ĐH Ngoại thương
Quá trình công tác: Công tác tại BIDV từ tháng 03/2001.
Được bổ nhiệm Phó Giám đốc BSC vào 15/10/2007

Phó Giám đốc – Bà Trần Thị Thu Thanh

Sinh năm 1975
Cử nhân Học Viện Ngân hàng
Quá trình công tác: Công tác tại BIDV từ tháng 12/2000.
Được bổ nhiệm Phó Giám đốc BSC vào 01/04/2008



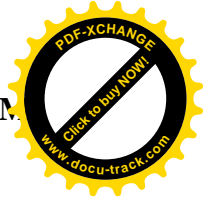
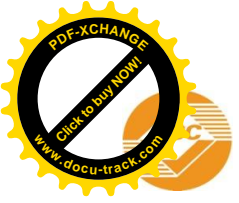
BCTN 2009

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KHKD NĂM 2009:

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2008	Thực hiện 2009	%thực hiện so với 2008
Chỉ tiêu số lượng			
Tổng doanh thu	561.426	619.572	110%
Hoạt động môi giới	27.540	61.326	223%
Doanh thu từ hoạt động đầu tư kinh doanh	519.226	545.289	105%
- Hoạt động tự doanh	22.100	182.695	
- Doanh thu về vốn kinh doanh	414.623	311.891	
- Thu lãi đầu tư	82.503	50.703	
Hoạt động tư vấn, bảo lãnh phát hành	3.519	9.139	260%
Lưu ký, khác	2.674	3.818	143%
Thu dịch vụ ròng	20.335	45.575	224%
Chỉ tiêu chất lượng			
Thị phần môi giới theo giá trị giao dịch thực hiện tại công ty	3.5%	2.54%	73%
Chỉ tiêu hiệu quả			
Lợi nhuận trước thuế	(516.363)	436.736	
ROE	-	71.5%	



BCTN 2009

KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2009

Lợi nhuận trước thuế: 436.7 tỷ đồng.
Trong đó:

Chỉ tiêu	31/12/2008	31/12/2009
VNINDEX	<u>315.62</u>	<u>494.77</u>
Lợi nhuận trước thuế	(516.363)	436.736

Hoạt động môi giới

Sự cạnh tranh cao của các Công ty chứng khoán trên thị trường với sự hiện diện của gần 100 công ty chứng, mọi biện pháp nâng cao thị phần bao gồm cả trái với quy định của UBCK được các công ty chứng khoán đưa ra như bán khống, cho vay chứng khoán, tiền T+2, nhằm thu hút nhà đầu tư đã tác động không nhỏ đến thị phần môi giới của Công ty.

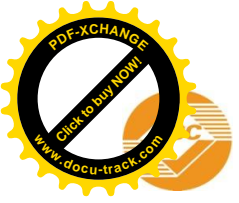
- Doanh thu là 61 tỷ đồng tăng trưởng 123% so với năm 2008.
- Lợi nhuận từ hoạt động môi giới của Công ty là 34 tỷ đồng. Thu dịch vụ ròn tăng 124% so với năm 2008
- Số lượng tài khoản: 39.965 tài khoản tăng 23.5% so với năm 2008.
- Thị phần môi giới : 2.54%
- BSC đã bước đầu tổ chức thành công buổi Hội nghị tư vấn đầu tư với khách hàng với chủ đề ‘Buổi gặp gỡ giữa các chuyên gia phân tích độc lập của BSC với nhà đầu tư’ nhằm thúc đẩy sự hợp tác giữa BSC và các nhà đầu tư, đồng thời tổ chức các buổi hướng dẫn giao dịch tại sàn Upcom tới các doanh nghiệp, nâng công tác dịch vụ khách hàng lên tầm cao mới.

Thu lãi đầu tư từ cổ phiếu và trái phiếu là 50.7 tỷ đồng.

Thu lãi đầu tư

Hoạt động tư vấn, bảo lãnh phát hành

- Số hợp đồng tư vấn của Công ty trong năm 2009 thực hiện tăng gấp 3 lần so với năm 2008 bao gồm: tư vấn CPH, tư vấn tài chính, tư vấn niêm yết, tư vấn đại hội cổ đông,... với tổng số phí thu được là 9 tỷ đồng bằng 260% so với năm 2008.

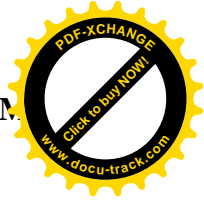
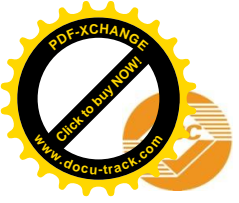


BCTN 2009

- Hoạt động tư vấn, bảo lãnh phát hành trái phiếu tiếp tục được đẩy mạnh, từng bước nâng cao chất lượng và doanh số hợp đồng tư vấn phát hành trái phiếu (tư vấn phát hành HUD, KBC, tư vấn niêm yết BIDV,...) khẳng định vị thế trên thị trường phát hành trái phiếu doanh nghiệp.

CÁC HỆ SỐ AN TOÀN TÀI CHÍNH

- Tỷ lệ vốn khả dụng của Công ty là 22%
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu là 4.5 lần đảm bảo theo quy định an toàn tài chính của Ủy ban chứng khoán là 6%.

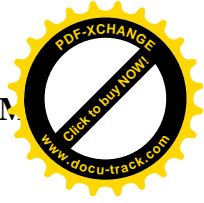
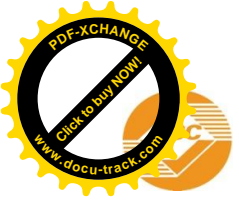


BCTN 2009

CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

ITEM

1. Công tác dịch vụ
2. Xây dựng quy chế, quy trình hoạt động
3. Đào tạo quản trị nhân lực
4. Công tác hiện đại hóa CNTT
5. Công tác phát triển mạng lưới
6. Công tác kế toán, kiểm tra nội bộ
7. Công tác quản trị điều hành



BCTN 2009

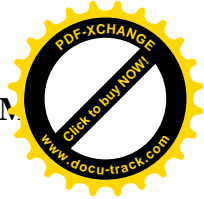
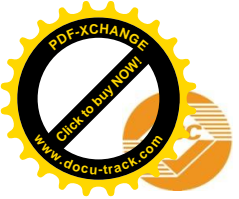
Thực hiện các sản phẩm dịch vụ mới
- nhằm nâng cao tính cạnh tranh cho các hoạt động dịch vụ

Phát triển trang Web mới của Công ty

Xây dựng quy chế, quy trình hoạt động - *Song song với nhiệm vụ kinh doanh, công tác xây dựng và hoàn thiện các quy chế, quy trình được đặt lên như nhiệm vụ hàng đầu của Công ty.*

Tái cấp chứng chỉ ISO

- Tham gia test và chính thức triển khai giao dịch trực tuyến với HOSE vào ngày 12/01.
- Tham gia test và khai trương vận hành thị trường giao dịch chứng khoán công ty đại chúng chưa niêm yết (upcom) vào 24/6.
- Đưa hệ thống giao dịch TPCP chuyên biệt HNX vào hoạt động ngày 24/09/2009 phục vụ khách hàng là các tổ chức tài chính lớn cũng như các công ty chứng khoán chưa là thành viên của thị trường, góp phần nâng cao hoạt động của thị trường trái phiếu.
- Nhằm nâng cao chất lượng trang thông tin điện tử của Công ty, cung cấp cho khách hàng thông tin cập nhật mới nhất về tình hình kinh tế, thị trường tài chính nói chung và thị trường chứng khoán nói riêng trên thế giới cũng như tại Việt Nam; cung cấp các dịch vụ trực tuyến tiện ích và chất lượng nhất, Công ty đã triển khai nâng cấp trang Web công ty đưa vào hoạt động trong tháng 11/2009. Trong tháng 12/2009, tiếp tục triển khai trang giao dịch mua bán cổ phiếu trực tuyến.
- Thực hiện rà soát và tiến hành xây dựng bổ sung ban hành các quy định quy trình cho các nghiệp vụ mới: quy định giao dịch trái phiếu chuyên biệt, Upcom,... đưa các hoạt động thành hệ thống và quản trị được rủi ro.
- Hoàn thành chương trình tái cấp chứng chỉ ISO 9001:2008 và đã được Trung tâm chứng nhận phù hợp Quacert cấp chứng chỉ ngày 30/10/2009 số 13995/QĐ-QUACERT



BCTN 2009

Đào tạo và quản trị nhân lực - là một hoạt động thiết yếu của Công ty nhằm nâng cao năng lực cán bộ, nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty sẵn sàng đáp ứng mọi yêu cầu của thị trường

- Triển khai và tham gia các khóa đào tạo chuyên sâu: chuyên đề thị trường chứng khoán, thị trường vốn,... Thông qua đó nâng cao chất lượng cán bộ đồng thời xây dựng và triển khai các nghiệp vụ, sản phẩm mới, hiện đại.

Công tác hiện đại hóa CNTT - nền tảng hỗ trợ nâng cao chất lượng, năng lực cạnh tranh cho các hoạt động dịch vụ

- Triển khai thành công hệ thống giao dịch không sàn với HOSE, sàn giao dịch upcom và trái phiếu chuyên biệt.

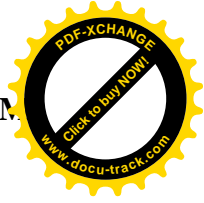
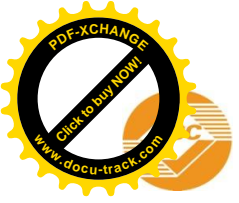
Công tác phát triển mạng lưới –

Ngày 26/12/2008, Bộ Tài chính ban hành quyết định 126/2008/QĐ-BTC trong đó có điều khoản quy định: Các công ty chứng khoán đã lập đại lý nhận lệnh phải thực hiện các thủ tục đóng đại lý nhận lệnh và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trước năm (05) ngày làm việc kể từ ngày đại lý nhận lệnh ngừng hoạt động kèm theo biên bản thanh lý hợp đồng đại lý.

- BSC đã gửi công văn báo cáo UBCKNN về việc thay đổi đóng cửa các ĐLNL và thành lập các điểm hỗ trợ giao dịch chứng khoán.
- Thực hiện chuyển đổi thành công 14 mô hình ĐLNL thành điểm hỗ trợ giao dịch.

Công tác kế toán và kiểm tra nội bộ - Quản lý rủi ro, giảm thiểu các sai sót trong công tác giao dịch hàng ngày

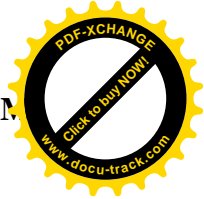
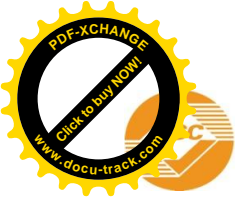
- Công ty đã xây dựng và thực hiện chương trình kiểm tra nội bộ hàng năm, tháng; thực hiện kiểm tra các mặt nghiệp vụ của phòng DVKH, phòng CNTT. Đồng thời đã tiến hành kiểm tra hoạt động giao dịch tại các Phòng DVKH trên địa bàn Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh.
- Công tác kế toán đảm bảo hạch toán các giao dịch phát sinh hàng ngày, đồng thời 100% chứng từ giao dịch chứng khoán được hậu kiểm kịp thời và chính xác.



BCTN 2009

Công tác đoàn thể

Công tác Đảng, công đoàn, đoàn thanh niên và các tổ chức khác từng bước dần đi vào ổn định, phát huy được vai trò và nhiệm vụ của mình, đẩy mạnh các phong trào văn hoá thể thao, tạo môi trường làm việc lành mạnh cho cán bộ: tham gia giải bóng đá thanh niên khối các công ty chứng khoán, tổ chức thi tìm hiểu quy chuẩn đạo đức nghề nghiệp.

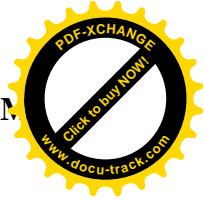
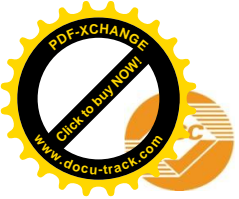


BCTN 2009

ĐÁNH GIÁ TỔNG KẾT

Sau 01 năm được nhìn nhận là khó khăn do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính năm 2008, BSC với sự nỗ lực của toàn thể cán bộ đã hoàn thành tốt nhiệm vụ kinh doanh đặt ra. Có thể nói năm 2009 là năm BSC đã xây dựng được một nền tảng vững chắc tạo bước đà cho năm 2010 được xác định là năm mở đầu cho một giai đoạn mới của hoạt động Công ty.

- ✚ Luôn bám sát và đáp ứng yêu cầu của thị trường về các hoạt động nghiệp vụ: Đó là triển khai giao dịch không sàn với HOSE, đưa vào hoạt động sàn giao dịch upcom và trái phiếu chuyên biệt.
- ✚ Các chỉ tiêu thu hoạt động của Công ty đều có sự tăng trưởng về quy mô và chất lượng theo hướng ổn định và bền vững. Thu dịch vụ ròng tăng trưởng 128% so với năm 2008, các tỷ lệ an toàn tài chính luôn tuân thủ đúng quy định của UBCKNN. Tuy nhiên, thị phần môi giới Công ty đã có sự sụt giảm đáng kể, từ 3.5% (đứng thứ 8/10 công ty có thị phần lớn nhất) xuống còn 2.54%. Sự sụt giảm này xuất phát từ nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan như sự cạnh tranh chưa lành mạnh của các Công ty chứng khoán trên thị trường, đã để lại cho BSC một bài toán phải giải đáp trong năm 2010 trên con đường tiến đến là 1 trong những công ty hàng đầu.



BCTN 2009

KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2010

NHẬN ĐỊNH MÔI TRƯỜNG KINH DOANH NĂM 2010

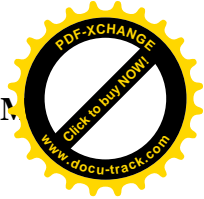
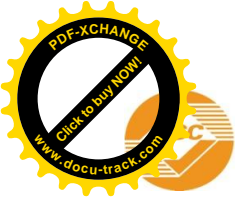
Năm 2010 được nhìn nhận vẫn sẽ là năm khó khăn đối với phát triển kinh tế - xã hội của nước ta. Chính phủ đã thống nhất chủ trương là cần phải tiếp tục có các chính sách hỗ trợ, kích thích thiết thực để vừa hỗ trợ cho phục hồi tăng trưởng, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, vừa để cho các doanh nghiệp thích ứng dần với lãi suất thị trường và không để lạm phát cao trở lại. Chính phủ sẽ xem xét toàn diện đề chính thức ban hành trong tháng 12 các chính sách hỗ trợ cụ thể áp dụng trong năm 2010.

Chỉ tiêu kinh tế vĩ mô

Mục tiêu tổng quát của kế hoạch kinh tế- xã hội năm 2010 được Bộ Kế hoạch & Đầu tư xác định là tập trung mọi nỗ lực để phục hồi tăng trưởng kinh tế, bảo đảm tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2010 cao hơn năm 2009, tạo tiền đề để tăng trưởng nhanh và bền vững trong những năm tiếp theo, phấn đấu ở mức cao nhất hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ của kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội 5 năm 2006- 2010

Các chỉ tiêu cụ thể

- Mức tăng trưởng GDP là 6,2% trong năm 2010
- CPI dưới 10%
- Tổng thu Ngân sách Nhà nước đạt 4.456,4 nghìn tỷ đồng; Tổng chi Ngân sách Nhà nước 581,9 nghìn tỷ đồng; Bội chi Ngân sách Nhà nước 125,5 nghìn tỷ đồng, bằng 6,5% GDP; Tổng nguồn vốn đầu tư phát triển toàn xã hội bằng khoảng 41,5% GDP,....
- Tốc độ tăng của tín dụng và tổng phương tiện thanh toán năm 2010 khoảng 25%-27%. NHNN sẽ tiếp tục áp dụng mô hình kiểm soát khối lượng tiền là chủ yếu (quy mô và tốc độ tăng trưởng tổng phương tiện thanh toán và tín dụng), kết hợp với kiểm soát giá cả tiền tệ (lãi suất và tỷ giá).
- Mức lãi suất cơ bản dự kiến tăng đến 9%/năm trong năm 2010; lãi suất cho vay dự kiến 13.5%-15%/năm.



BCTN 2009

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN 2010:

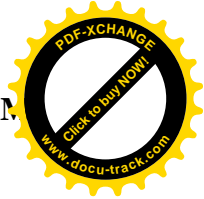
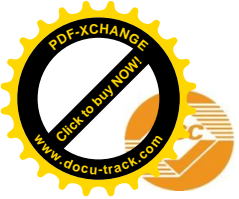
Sang năm 2010, TTCK sẽ tiếp tục đóng góp vai trò cơ bản là kênh huy động vốn hiệu quả cho DN. TTCK Việt Nam sau đợt điều chỉnh mạnh cuối năm đã xuống đến mức giá khá thấp nếu so sánh với các nước trong khu vực. P/E của thị trường Việt Nam năm 2010 ước tính xấp xỉ 12 lần, thấp hơn phần lớn nước châu Á khác.

Kịch bản thận trọng hơn về tăng trưởng GDP năm 2010 với các chỉ tiêu vĩ mô mang tính cân bằng và ổn định được kiểm soát tốt hơn sẽ tốt hơn cho xu thế phát triển trung hạn của TTCK. Nếu trong năm 2010, kịch bản ưu tiên về tăng trưởng không loại trừ được khả năng các yếu tố quan trọng còn lại xê dịch ra khỏi vòng an toàn được lựa chọn để thực thi, thì TTCK sẽ có nhiều dao động mạnh và xu thế đi lên trong 2 - 3 năm tới gặp nhiều thách thức. Do đó, vấn đề đặt ra là các công ty chứng khoán phải nhanh chóng cải tiến sản phẩm tài chính nâng cao năng lực cạnh tranh, tận dụng cơ hội chiếm lĩnh thị phần mới giới. Đồng thời tìm hướng đầu tư mới trong giai đoạn này để nâng cao hiệu quả hoạt động.

NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CỦA TTCK NĂM 2010

Trên cơ sở phân tích, đánh giá kết quả hoạt động năm 2009, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCK) đã đề ra những nhiệm vụ cụ thể trong năm 2010 để phát triển TTCK.

- **Hoàn thiện khung khổ pháp lý**
- **Phát triển hàng hóa, đẩy mạnh quản lý**
- **Triển khai nghiệp vụ mới:** Triển khai các nghiệp vụ mới như mua - bán lại -(repo), giao dịch ký quỹ (margin), đồng thời giảm chu kỳ thanh toán xuống T+2 nhằm tăng tính thanh khoản cho thị trường. Triển khai thực hiện các tiêu chí an toàn tài chính trong các CTCK (phần mềm, chế độ báo cáo)
- **Phát triển các thị trường:** Phát triển và hoàn thiện thị trường giao dịch trái phiếu, sửa đổi và hoàn thiện thị trường UPCoM; nghiên cứu việc triển khai thị trường cho các sản phẩm chứng khoán phái sinh. Bên cạnh đó, phát triển hệ thống các NĐT lớn; tiếp tục triển khai giao dịch trực tuyến, nâng cấp hệ thống giao dịch tại Sở giao dịch; hoàn thiện, nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin của Trung tâm Lưu ký; hoàn thiện cơ sở pháp lý và các văn bản hướng dẫn thực hiện của Sở giao dịch, Trung tâm Lưu ký.
- **Phân cấp, phân quyền giám sát thị trường:** Đẩy mạnh thực hiện công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các thành viên thị trường và cá nhân vi phạm quy định về chứng khoán và TTCK



BCTN 2009

THỜI CƠ, THÁCH THỨC ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

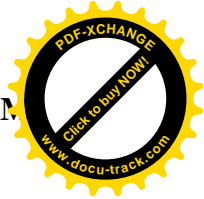
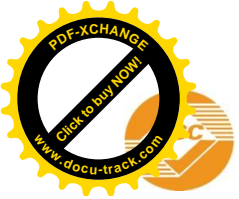
Năm 2010 tuy có những dấu hiệu khả quan đối với sự hồi phục nền kinh tế thế giới nhưng vẫn được nhìn nhận tiếp tục là năm khó khăn đối với kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng khi giá nhiên liệu tăng, giá vàng tăng, thị trường tài chính - tín dụng - tiền tệ của các nền kinh tế lớn có nhiều nét không tích cực đặc biệt là nguy cơ tái lạm phát trong những năm tiếp theo.

Thời cơ

- Nhu cầu vốn đầu tư qua kênh TTCK hiện nay vẫn còn rất lớn, là một cơ hội tốt để các Công ty chứng khoán phát triển mạnh dịch vụ môi giới, tư vấn và bảo lãnh phát hành.
- Kế hoạch IPO của BSC là một ưu thế sẽ giúp cho BSC có nhiều đối tác và bạn hàng chiến lược....

Thách thức, nguy cơ

- Tại Việt Nam, năm 2009, tuy GDP đạt được tốc độ tăng trưởng khá trong bối cảnh kinh tế thế giới suy giảm mạnh, nhưng mức độ phục hồi còn chậm, chưa vững chắc và đây là mức tăng trưởng thấp nhất trong nhiều năm qua. Hơn nữa, Quốc hội đang trong quá trình họp thông qua dự án Luật các tổ chức tín dụng (sửa đổi) trong đó có quy định các ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được cấp tín dụng để đầu tư, kinh doanh cổ phiếu,... Những điều đó sẽ ảnh hưởng tới hoạt động TTCK.
- Cạnh tranh giữa các công ty chứng khoán diễn ra ngày càng gay gắt, các công ty liên tục giảm phí môi giới, cạnh tranh không lành mạnh trong lĩnh vực môi giới gây ra không ít khó khăn cho BSC. Để tồn tại và phát triển, các Công ty chứng khoán buộc phải chuyển sang thực hiện đầu tư là chủ yếu thay vì chỉ thực hiện dịch vụ.

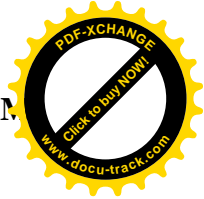
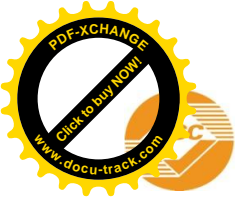


BCTN 2009

MỤC TIÊU KINH DOANH 2010:

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG: *Trên cơ sở các xuất phát điểm, nền tảng, công cụ hỗ trợ đã từng bước xây dựng và hoàn thành trong năm 2009 cũng như định hướng phát triển của BSC trong năm tới là năm kết thúc của kế hoạch 3 năm 2008-2010 đưa Công ty nằm trong top đầu trên thị trường và cũng là năm đầu tiên thực hiện CPH làm tiền đề hoạt động cho các năm tiếp theo, BSC đưa ra định hướng hoạt động năm 2010 như sau:*

1. Năm 2010 được xác định là năm mở đầu cho một giai đoạn mới của hoạt động BSC, bắt đầu của kế hoạch 05 năm 2010-2015 sau cổ phần hóa. Do đó, nhằm đạt được sự thay đổi mạnh mẽ về cơ cấu, chất lượng và tăng trưởng bền vững trong hoạt động kinh doanh, định hướng đầu tiên là đưa các hoạt động vào chuẩn mực chung tốt nhất so với thông lệ thị trường về các tiêu chí hoạt động nghiệp vụ, nâng cao năng lực cạnh tranh.
2. Tiếp tục xây dựng BSC thành một thể chế có tính hệ thống chặt chẽ theo hướng phát triển bền vững, xây dựng nền tảng trên cơ sở củng cố và phát triển hệ thống quản trị nội bộ bao gồm quản trị điều hành và quản trị tài chính.
3. Định hướng từng bước mở rộng thị trường quốc tế, mang đến sự hiện diện của BSC.



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM BIDV SECURITIES COMPANY (BSC)

BCTN 2009

BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Ban Giám đốc
Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (“Công ty”), báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ có liên quan cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (“các báo cáo tài chính”) được trình bày từ trang 4 đến trang 35. Các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc của Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên việc kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở Ý kiến Kiểm toán

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và Quốc tế được áp dụng tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến Kiểm toán

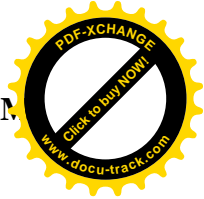
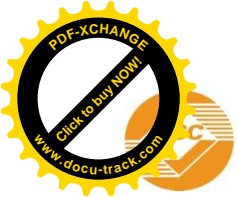
Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam, và các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính và tuân thủ các quy định có liên quan.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Võ Tấn Hoàng Văn
Phó Tổng Giám đốc
Kiểm toán viên đã đăng ký
Số đăng ký: 0264/KTV

Võ Xuân Minh
Kiểm toán viên phụ trách
Kiểm toán viên đã đăng ký
Số đăng ký: 0923/KTV

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 11 tháng 3 năm 2010



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM
BIDV SECURITIES COMPANY (BSC)

BCTN 2009

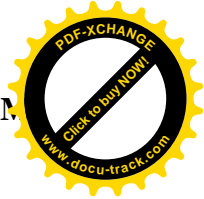
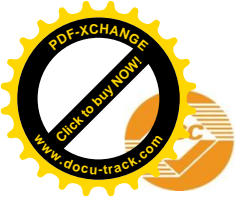
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị: đồng Việt Nam

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2009	Ngày 31 tháng 12 năm 2008 Số trình bày lại
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		3.579.651.336.314	4.887.409.768.028
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	422.224.191.778	746.194.942.291
111	1. Tiền		422.224.191.778	736.194.942.291
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	10.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	688.409.534.524	1.561.456.791.660
121	1. Đầu tư ngắn hạn		818.326.880.954	2.153.234.383.217
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(129.917.346.430)	(591.777.591.557)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	6	2.448.277.832.475	2.573.424.015.422
131	1. Phải thu của khách hàng		2.261.680	6.931.132.363
132	2. Trả trước cho người bán		191.098.000	879.250.323
135	3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		51.453.249.729	116.473.800
138	4. Các khoản phải thu khác		2.396.920.815.786	2.565.497.158.936
139	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(289.592.720)	-
140	IV. Hàng tồn kho	7	74.961.000	358.325.000
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		20.664.816.537	5.975.693.655
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		15.400.000	-
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		132.957.523	113.485.390
154	3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước		5.280.764.615	5.280.764.615
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	8	15.235.694.399	581.443.650

Các thuyết minh đính kèm từ mục 1 đến 21 là một phần của báo cáo tài chính này.



**CÔNG TY CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM
BIDV SECURITIES COMPANY (BSC)**

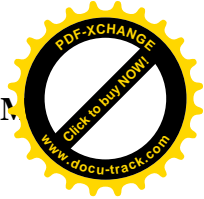
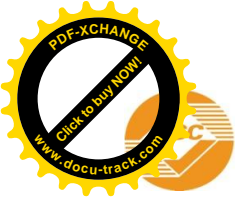
BCTN 2009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Đơn vị: đồng Việt Nam

<i>Mã số</i>	<i>TÀI SẢN</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2009</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008 số trình bày lại</i>
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		224.491.453.152	249.750.217.155
220	I. Tài sản cố định		4.618.019.510	6.330.559.825
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9.1	3.910.746.639	5.650.513.799
222	Nguyên giá		16.088.066.508	14.544.809.556
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(12.177.319.869)	(8.894.295.757)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	9.3	-	-
225	Nguyên giá		-	232.700.400
226	Giá trị hao mòn lũy kế		-	(232.700.400)
227	3. Tài sản cố định vô hình	9.2	707.272.871	680.046.026
228	Nguyên giá		945.680.998	745.680.998
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(238.408.127)	(65.634.972)
250	II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	5	213.445.052.196	239.631.287.300
253	1. Đầu tư vào chứng khoán dài hạn		229.846.597.300	239.464.287.300
254	Chứng khoán sẵn sàng để bán		229.846.597.300	239.464.287.300
255	Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	-
258	2. Đầu tư dài hạn khác		167.000.000	167.000.000
259	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(16.568.545.104)	-
260	III. Tài sản dài hạn khác		6.428.381.446	3.788.370.030
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		502.822.945	-
263	2. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	10	5.920.558.501	3.783.370.030
268	3. Tài sản dài hạn khác		5.000.000	5.000.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		3.804.142.789.466	5.137.159.985.183

Các thuyết minh đính kèm từ mục 1 đến 21 là một phần của báo cáo tài chính này.



**CÔNG TY CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM
BIDV SECURITIES COMPANY (BSC)**

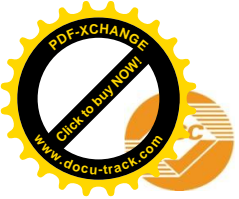
BCTN 2009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

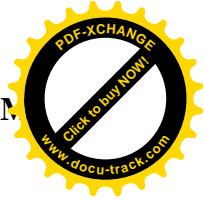
Đơn vị: đồng Việt Nam

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2009	Ngày 31 tháng 12 năm 2008 số trình bày lại
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		3.056.983.382.096	4.825.227.801.521
310	I. Nợ ngắn hạn		3.056.886.472.634	4.825.148.272.363
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	11	115.000.000.000	-
312	2. Phải trả người bán		827.496.534	1.333.428.016
313	3. Người mua trả tiền trước		2.116.750.000	142.000.000
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	78.928.531	303.387.363
315	5. Phải trả người lao động		4.968.000	3.908.414.486
316	6. Chi phí phải trả	13	153.518.832.878	54.184.965.045
320	7. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	14	417.038.390.515	446.113.761.897
321	8. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		1.774.604.774	1.607.950.500
322	9. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	15	-	110.392.011.200
328	10. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	16	2.366.526.501.402	4.207.162.353.856
329	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
330	II. Nợ dài hạn		96.909.462	79.529.158
333	1. Phải trả dài hạn khác		-	-
334	2. Vay và nợ dài hạn		-	-
336	3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		96.909.462	79.529.158
339	4. Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư		-	-
340	5. Vốn nhận ủy thác đầu tư dài hạn		-	-
400	B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	17	747.159.407.370	311.932.183.662
410	I. Vốn chủ sở hữu		744.996.131.724	310.317.433.318
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		700.000.000.000	700.000.000.000
416	2. Quỹ chênh lệch tỷ giá hối đoái		104.397.901	-
417	3. Quỹ đầu tư phát triển		92.009.778.586	92.009.778.586
418	4. Quỹ dự phòng tài chính và dự trữ pháp định		32.509.049.335	34.671.134.540
420	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(79.627.094.098)	(516.363.479.808)
430	II. Quỹ khen thưởng phúc lợi		2.163.275.646	1.614.750.344
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		3.804.142.789.466	5.137.159.985.183

Các thuyết minh đính kèm từ mục 1 đến 21 là một phần của báo cáo tài chính này.



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM BIDV SECURITIES COMPANY (BSC)



BCTN 2009

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị: đồng Việt Nam

Mã số	CHỈ TIÊU	Ngày 31 tháng 12 năm 2009	Ngày 31 tháng 12 năm 2008
001	1. Tài sản cố định thuê ngoài	-	-
002	2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	-	-
003	3. Tài sản nhận ký cược	-	-
004	4. Nợ khó đòi đã xử lý	-	-
005	5. Ngoại tệ các loại	4.741	4.741
006	6. Chứng khoán lưu ký	-	-
	<i>Trong đó</i>		
007	6.1. Chứng khoán giao dịch	3.715.398.820.000	3.666.772.840.000
008	6.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	44.661.030.000	45.852.170.000
009	6.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	2.921.530.370.000	2.915.445.550.000
010	6.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	734.744.920.000	691.012.620.000
011	6.1.4. Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác	14.462.500.000	14.462.500.000
012	6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	418.885.940.000	418.886.440.000
013	6.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	12.250.000.000	12.250.000.000
014	6.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	406.635.940.000	406.636.440.000
015	6.2.3. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	-	-
016	6.2.4. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của tổ chức khác	-	-
017	6.3. Chứng khoán cầm cố	1.097.874.240.000	1.098.060.280.000
018	6.3.1. Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký	86.482.000.000	86.482.000.000
019	6.3.2. Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	1.011.392.240.000	1.011.578.280.000
020	6.3.3. Chứng khoán cầm cố của khách hàng nước ngoài	-	-
021	6.3.4. Chứng khoán cầm cố của tổ chức khác	-	-
022	6.4. Chứng khoán tạm giữ	1.400.000.000	44.871.000.000
023	6.4.1. Chứng khoán tạm giữ của thành viên lưu ký	-	-
024	6.4.2. Chứng khoán tạm giữ của khách hàng trong nước	-	-
025	6.4.3. Chứng khoán tạm giữ của khách hàng nước ngoài	1.400.000.000	44.871.000.000
026	6.4.4. Chứng khoán tạm giữ của tổ chức khác	-	-
027	6.5. Chứng khoán chờ thanh toán	57.632.950.000	50.181.550.000
028	6.5.1. Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	3.139.850.000	2.157.150.000
029	6.5.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	54.463.400.000	47.983.600.000
030	6.5.3. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	29.700.000	40.800.000
031	6.5.4. Chứng khoán chờ thanh toán của tổ chức khác	-	-
037	6.7. Chứng khoán chờ giao dịch	3.973.660.000	3.973.860.000
038	6.7.1. Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	3.973.660.000	3.973.860.000
039	6.7.2. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	-	-
040	6.7.3. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài	-	-
041	6.7.4. Chứng khoán chờ giao dịch của tổ chức khác	-	-
047	6.9. Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	200.700.000	200.700.000
082	8. Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng	2.346.339.570.000	2.437.527.380.000
083	9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	344.882.701.173	259.882.660.000

Trần Ngọc Diệp
Kế toán

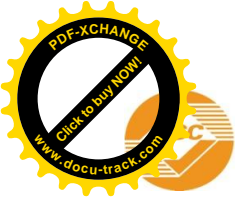
Hà Thị Kim Chi
Phụ trách P. Tài chính Kế
toán

Đỗ Huy Hoài
Giám đốc

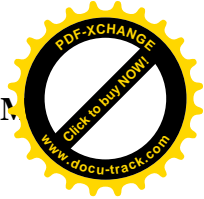
Hà Nội, Việt Nam

Ngày 11 tháng 3 năm 2010

Các thuyết minh đính kèm từ mục 1 đến 21 là một phần của báo cáo tài chính này.



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM
BIDV SECURITIES COMPANY (BSC)



BCTN 2009

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị: đồng Việt Nam

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước số trình bày lại
01	1. Doanh thu	18	619.572.335.329	556.404.859.331
	<i>Trong đó:</i>			
01.1	- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		61.325.581.428	27.539.805.765
01.2	- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		233.398.489.860	108.051.529.955
01.3	- Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán		450.000.000	2.054.616.546
01.4	- Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán		1.000.000	-
01.5	- Doanh thu hoạt động tư vấn		8.688.152.010	1.463.952.350
01.6	- Doanh thu lưu ký chứng khoán		3.817.784.603	2.671.623.069
01.7	- Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá		-	-
01.8	- Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản		-	-
01.9	- Doanh thu khác		311.891.327.428	414.623.331.646
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	18	-	-
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh		619.572.335.329	556.404.859.331
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	19	(148.908.060.372)	(1.049.992.913.633)
	<i>Trong đó:</i>			
	Chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh chứng khoán		(594.199.760.395)	(466.684.496.834)
	(Chi phí)/ hoàn nhập dự phòng chứng khoán		445.291.700.023	(583.308.416.799)
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		470.664.274.957	(493.588.054.302)
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	(31.631.969.120)	(22.745.885.611)
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		439.032.305.837	(516.333.939.913)
31	8. Thu nhập khác		1.260.079.873	30.498.055
32	9. Chi phí khác		(3.556.000.000)	(60.037.950)
40	10. Lợi nhuận khác		(2.295.920.127)	(29.539.895)
50	11. Tổng lợi nhuận / (lỗ) kế toán trước thuế		436.736.385.710	(516.363.479.808)
51	12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	12	-	-
52	13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	14. Lợi nhuận / (lỗ) sau thuế TNDN		436.736.385.710	(516.363.479.808)

Trần Ngọc Diệp
Kế toán

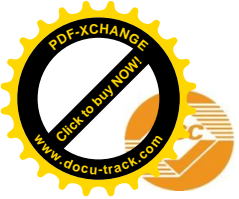
Hà Thị Kim Chi
Phụ trách P. Tài chính Kế
toán

Đỗ Huy Hoài
Giám đốc

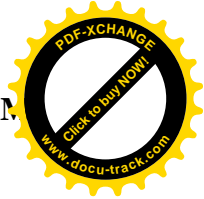
Hà Nội, Việt Nam

Ngày 11 tháng 3 năm 2010

Các thuyết minh đính kèm từ mục 1 đến 21 là một phần của báo cáo tài chính này



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM
BIDV SECURITIES COMPANY (BSC)



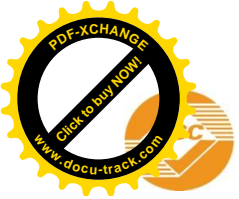
BCTN 2009

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

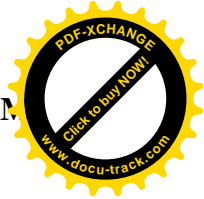
Đơn vị: đồng Việt Nam

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN			
01	1. Lợi nhuận / (lỗ) trước thuế		436.736.385.710	(516.363.479.808)
	2. Điều chỉnh cho các khoản		(271.262.252.490)	872.193.858.890
02	Khấu hao tài sản cố định		3.223.096.867	2.388.529.441
03	Các khoản lập / (hoàn nhập) dự phòng		(445.002.107.303)	583.492.075.628
04	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		-	-
05	Lãi lỗ hoạt động đầu tư		(233.398.489.860)	(82.502.771.367)
06	Chi phí lãi vay		403.915.247.806	368.816.025.188
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động		(801.326.711.988)	(360.536.400.628)
09	(Tăng) / giảm các khoản phải thu		164.846.932.843	65.509.996.789
10	(Tăng) / giảm tồn kho		283.364.000	(358.325.000)
11	(Tăng) / giảm chứng khoán thương mại		1.337.463.795.263	(1.365.998.197.234)
12	Tăng / (giảm) các khoản phải trả		(1.982.799.752.301)	1.280.324.486.193
13	(Tăng) / giảm chi phí trả trước		(15.400.000)	-
14	Tiền lãi vay đã trả		(304.359.914.930)	(327.268.211.370)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(21.996.698.028)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		(14.654.250.749)	15.256.576.258
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(2.091.486.114)	(6.006.028.236)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(635.852.578.768)	(4.706.021.546)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(1.510.556.552)	(5.759.829.257)
22	Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
26	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
27	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(59.701.018.800)
28	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		10.010.000.000	-
29	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		188.277.986.906	19.694.904.004
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) / từ hoạt động đầu tư		196.777.430.354	(45.765.944.053)

Các thuyết minh đính kèm từ mục 1 đến 21 là một phần của báo cáo tài chính này.



**CÔNG TY CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM
BIDV SECURITIES COMPANY (BSC)**



BCTN 2009

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)

Đơn vị : đồng Việt Nam

<i>Mã số</i>	<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	11	115.000.000.000	-
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		-	-
35	Trả lại vốn ủy thác cho người đầu tư		-	-
36	Chuyển quỹ khen thưởng phúc lợi về BIDV		-	(30.295.663.234)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		115.000.000.000	(30.295.663.234)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(324.075.148.414)	(80.767.628.833)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		746.194.942.291	826.962.571.124
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		104.397.901	-
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	3	422.224.191.778	746.194.942.291

Trần Ngọc Diệp
Kế toán

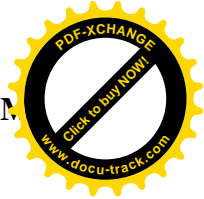
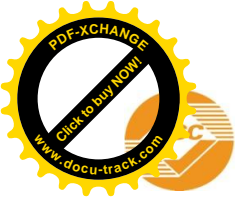
Hà Thị Kim Chi
Phụ trách P. Tài chính Kế toán

Đỗ Huy Hoài
Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 11 tháng 3 năm 2010

Các thuyết minh đính kèm từ mục 1 đến 21 là một phần của báo cáo tài chính này.



BCTN 2009

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (“Công ty”) là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Quyết định số 59/QĐ-HĐQT ngày 18 tháng 11 năm 1999 của Hội đồng Quản trị Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Hoạt động

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104000001 ngày 31 tháng 3 năm 2000 và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 02/GPHĐKD ngày 26 tháng 11 năm 1999.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, và các dịch vụ gia tăng khác.

Vốn Điều lệ

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0104000001, thay đổi lần thứ 4, ngày 23 tháng 3 năm 2006, vốn điều lệ của Công ty là 200 tỷ đồng Việt Nam. Tại thời điểm hiện tại, vốn điều lệ của Công ty đạt 700 tỷ đồng Việt Nam theo các quyết định tăng vốn của Hội đồng Quản trị của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Ban Giám đốc

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm tài chính và vào ngày lập báo cáo này như sau:

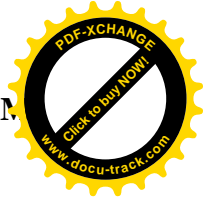
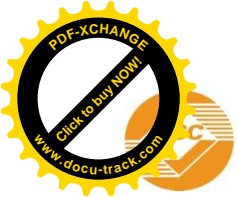
<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</i>
Ông Đỗ Huy Hoài	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2007
Bà Lưu Diễm Cẩm	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2006
Bà Trần Thị Thu Thanh	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2008
Ông Nguyễn Văn Thắng	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 10 năm 2007 Bổ nhiệm ngày 15 tháng 10 năm 2007
Ông Nguyễn Thành Nghiệp	Phó Giám đốc	(miễn nhiệm ngày 19 tháng 11 năm 2009)
Ông Nguyễn Quốc Tín	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 11 năm 2009

Mạng lưới Hoạt động

Công ty có trụ sở chính tại tầng 10, Tòa Tháp A Vincom, 191 phố Bà Triệu, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội. Công ty có Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh đặt tại lầu 9 số 146 phố Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty cũng có đặt 2 phòng giao dịch tại số 20 phố Hàng Tre, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội và tại số 12 - 14 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nhân viên

Tổng số nhân viên đang làm việc cho Công ty cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 168 người (năm 2008 là 171 người).



BCTN 2009

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Năm 2009 là năm đầu tiên Công ty thực hiện áp dụng Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán.

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng đồng Việt Nam.

Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

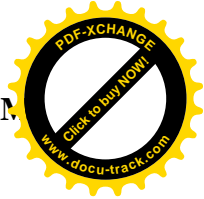
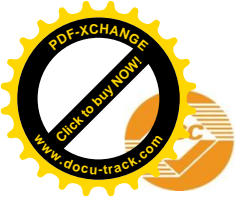
Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Sổ nhật ký chung.

2.3 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Thay đổi chính sách kế toán và cách thức trình bày báo cáo

Trong năm, Công ty thực hiện áp dụng Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Theo quy định tại Thông tư này, các khoản chênh lệch đánh giá lại tỷ giá các khoản mục tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn từ 1 năm trở xuống sẽ



BCTN 2009

được hạch toán trên Bảng cân đối kế toán thay vì hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như các năm trước.

Ngoài ra, trong năm Công ty đã đổi phương thức lập và trình bày Báo cáo Lưu chuyển tiền từ phương thức trực tiếp sang phương thức gián tiếp.

2.5 Số liệu so sánh

Báo cáo tài chính cho năm tài chính từ ngày 1 tháng 1 năm 2009 đến 31 tháng 12 năm 2009 được trình bày theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính thay thế cho Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, do đó một số số liệu so sánh tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 đã được trình bày lại cho phù hợp với hình thức trình bày báo cáo tài chính của kỳ này.

2.6 Trình bày lại số đầu kỳ

Trong năm 2009, Công ty đã thực hiện điều chỉnh một số khoản mục trên báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo kết quả kiểm tra của Thanh tra Bộ tài chính. Theo đó số dư đầu kỳ của một số khoản mục trên Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được trình bày lại như sau:

2.6.1 Ghi nhận tăng thu nhập từ cổ phiếu thường Công ty được hưởng trong năm theo mệnh giá

2.6.2 Trích lập bổ sung dự phòng giảm giá cho danh mục chứng khoán thương mại của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

2.6.3 Điều chỉnh giảm dự phòng giảm giá cho danh mục chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

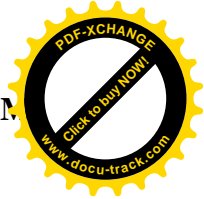
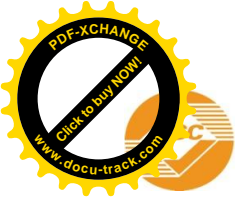
2.6.4 Tăng chi phí vốn dự trả cho các hợp đồng nhận ủy thác đầu tư trái phiếu Chính phủ cho các đơn vị khác

2.7 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.8 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.



BCTN 2009

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Công ty thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Theo đó, mức trích lập dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn thanh toán được chi tiết như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
Từ trên 6 tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Trên ba (03) năm	100%

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

2.9 Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm phát sinh chi phí. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

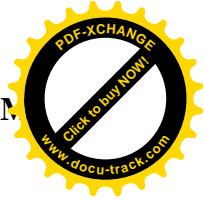
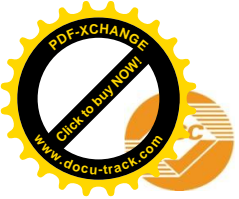
2.10 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	3 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Tài sản cố định khác	4 năm
Phần mềm kế toán	3 năm

2.11 Thuê tài sản

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.



BCTN 2009

2.12 Đầu tư vào chứng khoán

2.12.1 Chứng khoán thương mại

Chứng khoán thương mại được ghi nhận theo giá gốc. Các khoản cổ tức và trái tức nhận được trong năm được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Dự phòng giảm giá chứng khoán

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ. Giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa ngày 31 tháng 12 năm 2009 đối với các cổ phiếu niêm yết trên Trung tâm giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Giá trị thị trường của các chứng khoán vốn chưa niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo báo giá của các công ty chứng khoán có quy mô lớn, uy tín trên thị trường chứng khoán và các tạp chí chứng khoán có uy tín. Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên được phản ánh theo giá gốc.

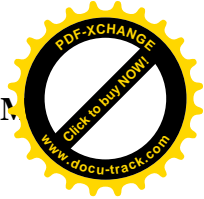
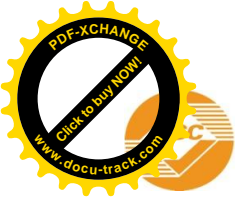
2.12.2 Chứng khoán sẵn sàng để bán

Các khoản đầu tư chứng khoán sẵn sàng để bán được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ. Giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa ngày 31 tháng 12 năm 2009 đối với các cổ phiếu niêm yết trên trung tâm giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Giá trị thị trường của các chứng khoán vốn chưa niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo báo giá của các công ty chứng khoán có quy mô lớn, uy tín trên thị trường chứng khoán và các tạp chí chứng khoán có uy tín. Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên được phản ánh theo giá gốc.

2.13 Các hợp đồng mua lại và bán lại

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm tài sản trên các báo cáo tài chính. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được ghi nhận là tài sản hoặc chi phí chờ kết chuyển và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng tài sản trên các báo cáo tài chính. Khoản tiền thanh toán theo các hợp đồng bán lại này được ghi nhận là tài sản trên bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán



BCTN 2009

lại được ghi nhận là doanh thu hoặc khoản phải trả chờ kết chuyển và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng bán lại.

2.14 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

2.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

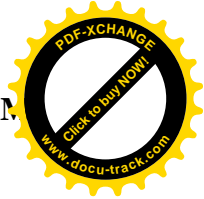
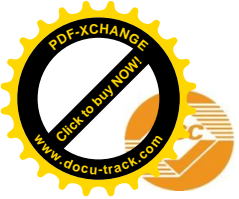
Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty được hạch toán theo tỷ giá giao dịch trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Các khoản chênh lệch tỷ giá được xử lý theo quy định tại Thông tư 201/2009/TT – BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Các khoản chênh lệch do đánh giá lại các khoản mục tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản phải thu và phải trả ngắn hạn từ 1 năm trở xuống được hạch toán vào quỹ chênh lệch tỷ giá hối đoái trên bảng cân đối kế toán cuối năm tài chính. Các khoản chênh lệch do đánh giá lại các khoản mục phải thu dài hạn được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Chênh lệch giảm khi đánh giá lại các khoản nợ dài hạn được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh, trong khi chênh lệch tăng khi đánh giá các khoản nợ này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh, ngoại trừ trường hợp việc hạch toán này làm kết quả kinh doanh bị lỗ. Trong trường hợp này, khoản chênh lệch được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo giá trị cao hơn giữa giá trị phân bổ để kết quả kinh doanh không bị lỗ và giá trị chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm. Phần còn lại hạch toán trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh cho các năm sau nhưng tối đa không quá 5 năm.

2.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.



BCTN 2009

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Tiền lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

2.17 Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền để tính giá vốn cổ phiếu tự doanh bán ra và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu bán ra.

2.18 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế hiện hành

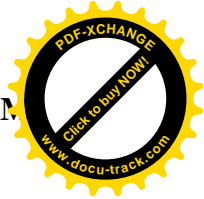
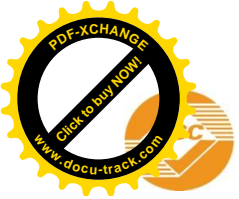
Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và năm 2009 được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.



BCTN 2009

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ :

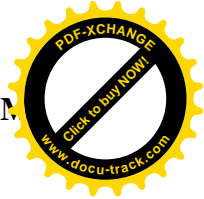
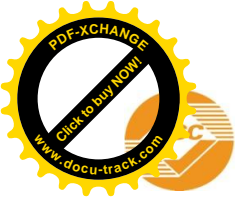
- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.



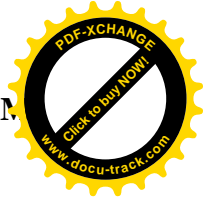
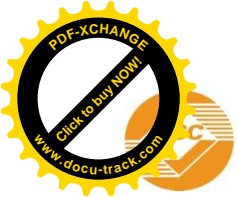
BCTN 2009

2.19 Trợ cấp thôi việc tự nguyện và trợ cấp mất việc

Quỹ bảo hiểm thất nghiệp: theo Luật Bảo hiểm Xã hội và Nghị định số 127/2008/NĐ-CP ngày 12/12/2008 của Chính phủ, Quỹ bảo hiểm thất nghiệp sẽ được áp dụng từ 01/01/2009 và người lao động đóng bằng 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp, người sử dụng lao động đóng bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp và Nhà nước hỗ trợ từ ngân sách bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2009 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2008 VND
Tiền mặt	264.838.326	280.113.696
Tiền gửi ngân hàng	421.959.353.452	735.914.828.595
Trong đó :		
Tiền gửi ngân hàng	9.754.212.668	287.635.992.792
Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	412.205.140.784	448.278.835.803
Các khoản tương đương tiền	-	10.000.000.000
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng	-	10.000.000.000
Tiền của người ủy thác đầu tư	-	-
	422.224.191.778	746.194.942.291



BCTN 2009

4. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG KỲ

	<i>Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ</i>	<i>Giá trị giao dịch thực hiện trong kỳ VND</i>
1. Của Công ty chứng khoán	64.783.800	3.419.775.296.000
- Cổ phiếu	52.856.980	2.198.107.548.000
- Trái phiếu	11.926.820	1.221.667.748.000
- Chứng khoán khác (chứng chỉ quỹ đầu tư)	-	-
2. Của người đầu tư	893.684.868	34.605.620.001.360
- Cổ phiếu	848.513.018	29.655.465.711.600
- Trái phiếu	45.171.850	4.950.154.289.760
- Chứng khoán khác (chứng chỉ quỹ đầu tư)	-	-
	958.468.668	38.025.395.297.360



**CÔNG TY CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM
BIDV SECURITIES COMPANY (BSC)**

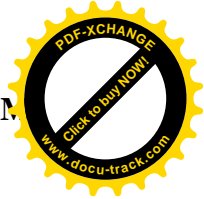
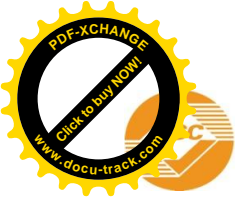
BCTN 2009

5. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Tình hình đầu tư tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 như sau:

	Số lượng	Giá trị theo sổ sách	So với giá trị thị trường		Tổng giá trị theo giá	Ghi chú
		kế toán VND	Tăng VND	Giảm VND	trị thị trường VND	
I. Chứng khoán thương mại	24.668.573	818.326.880.954	14.780.607.293	(129.917.346.430)		
- Có thông tin đáng tin cậy về giá thị trường	7.057.793	437.552.018.954	14.780.607.293	(129.917.346.430)	322.415.279.817	Trích lập đủ dự phòng
- Không có thông tin đáng tin cậy về giá thị trường	17.610.780	380.774.862.000	NA	NA	NA	
II. Chứng khoán đầu tư	16.623.888	229.846.597.300	-	(16.568.545.104)		
Chứng khoán sẵn sàng để bán	16.623.888	229.846.597.300	-	(16.568.545.104)	213.278.052.196	
- Có thông tin đáng tin cậy về giá thị trường	1.331.538	66.932.195.200	-	(16.568.545.104)	50.363.650.096	Trích lập đủ dự phòng
- Không có thông tin đáng tin cậy về giá thị trường	15.292.350	162.914.402.100	-	-	162.914.402.100	
Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-	-	
III. Đầu tư dài hạn khác	NA	167.000.000	NA	NA	167.000.000	

- Các khoản đầu tư tài chính có thông tin đáng tin cậy về giá trị thị trường bao gồm các chứng khoán niêm yết được giao dịch trên thị trường và có giá tham chiếu tại các sàn giao dịch chứng khoán vào ngày lập báo cáo tài chính, các cổ phiếu chưa niêm yết có giá tham chiếu từ các công ty chứng khoán có quy mô lớn, uy tín trên thị trường.
- Các chứng khoán không có giá tham chiếu từ các nguồn trên được coi là không có thông tin đáng tin cậy về giá thị trường.
- NA: không áp dụng



BCTN 2009

5. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5.1 Chứng khoán thương mại

Chi tiết về các loại chứng khoán thương mại của công ty tại ngày 31 tháng 12 năm như sau:

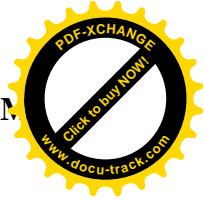
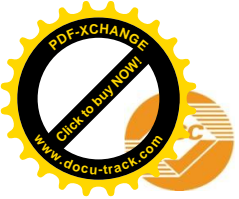
	Ngày 31 tháng 12 năm 2009 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2008 số trình bày lại VND
Cổ phiếu niêm yết	322.893.910.354	1.401.975.828.609
Cổ phiếu chưa niêm yết	404.871.970.600	445.563.310.009
Trái phiếu các loại (*)	90.561.000.000	301.819.975.419
Chứng chỉ quỹ	-	3.875.269.180
	818.326.880.954	2.153.234.383.217

(*): Trong tổng số chứng khoán thương mại của Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, có bao gồm 864.820 trái phiếu Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam đã được Công ty đem đi cầm cố thế chấp với Ngân hàng TMCP An Bình theo hợp đồng Cầm cố và mua bán lại trái phiếu niêm yết số 01/BSC-ABB ký kết ngày 16 tháng 12 năm 2009 với tổng giá trị là 60.537.400.000 đồng. Hợp đồng này đã được thanh lý vào ngày 21 tháng 1 năm 2010.

5.2 Chứng khoán sẵn sàng để bán

Chi tiết về các khoản đầu tư - chứng khoán sẵn sàng để bán của Công ty tại ngày 31 tháng 12 như sau:

	Số lượng	Mệnh giá VND	Tỷ lệ góp vốn (%)	Số tiền VND
Cổ phiếu niêm yết				
Công ty CP Phân đạm và Hóa chất Dầu khí	500.000	10.000	0,13%	28.202.515.200
Công ty CP May xuất khẩu Thái Nguyên	400.000	10.000	5,00%	5.200.000.000
				33.402.515.200



BCTN 2009

Cổ phiếu chưa niêm yết

Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Hòa Bình	1.700.000	10.000	14,90%	17.000.000.000
Công ty CP Điện Việt Lào	8.646.700	10.000	10,00%	86.858.591.800
Công ty CP Đồng Xanh	1.391.900	10.000	14,99%	23.518.310.300
Công ty CP Dịch vụ Bưu chính Viễn thông Sài Gòn	431.538	10.000	1,33%	33.529.680.000
Công ty CP Đầu tư Tài chính BIDV	3.553.750	10.000	7,06%	35.537.500.000
				196.444.082.100
				229.846.597.300

5.3 Chứng khoán đầu tư dài hạn khác

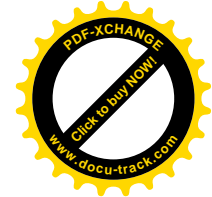
Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện các khoản góp vốn của Công ty vào các đơn vị nhận đầu tư với mục tiêu nắm giữ dài hạn. Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn khác của Công ty tại ngày 31 tháng 12 như sau:

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2009</i> VND	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008</i> VND	<i>% sở hữu của Công ty</i> VND
Công ty Bia rượu Vinashin Hà Nam	167.000.000	167.000.000	0,08%
	167.000.000	167.000.000	

5.4 Dự phòng giảm giá chứng khoán

Chi tiết về dự phòng giảm giá chứng khoán thương mại và chứng khoán sẵn sàng để bán của Công ty tại ngày 31 tháng 12 như sau:

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2009</i> VND	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008</i> số trình bày lại VND
Dự phòng giảm giá chứng khoán thương mại		
Cổ phiếu niêm yết	126.490.346.430	514.108.480.794
Cổ phiếu chưa niêm yết	3.427.000.000	77.669.110.763
	129.917.346.430	591.777.591.557
Dự phòng giảm giá chứng khoán sẵn sàng để bán		
Chứng khoán sẵn sàng để bán	16.568.545.104	-
Đầu tư dài hạn khác	-	-
	16.568.545.104	-

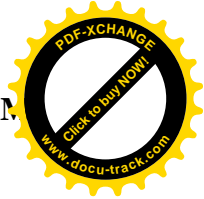
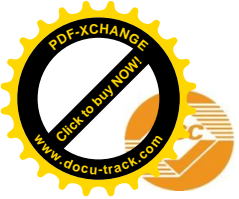


CÔNG TY CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM BIDV SECURITIES COMPANY (BSC)

BCTN 2009

6. PHẢI THU NGẮN HẠN

	Số đầu kỳ			Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ			Dự phòng đã trích lập VND
	Tổng số VND	Số quá hạn VND	Số khó đòi VND	Tăng VND	Giảm VND	Tổng số VND	Số quá hạn VND	Số khó đòi VND	
1. Phải thu của khách hàng	6.931.132.363	-	-	27.064.961.265	33.993.831.948	2.261.680	-	-	-
2. Trả trước cho người bán	879.250.323	-	-	1.221.590.880	1.909.743.203	191.098.000	-	-	-
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	116.473.800	-	-	6.380.718.187.858	6.329.381.411.929	51.453.249.729	430.189.600	-	289.592.720
Phải thu tổ chức phát hành, tư vấn phát hành	116.473.800	-	-	10.230.865.600	10.347.339.400	-	-	-	-
Phải thu của Sở (Trung tâm) GDCK	-	-	-	3.019.494.131.000	3.006.086.523.000	13.407.608.000	-	-	-
Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	-	-	-	3.350.993.191.258	3.312.947.549.529	38.045.641.729	430.189.600	-	289.592.720
4. Các khoản phải thu khác	2.565.497.158.936	-	-	1.222.521.210.376	1.391.097.553.526	2.396.920.815.786	-	-	-
Phải thu từ các hợp đồng cam kết mua và bán lại chứng khoán	2.500.635.168.000	-	-	580.824.472.000	825.719.112.000	2.255.740.528.000	-	-	-
- với tổ chức kinh tế	1.478.568.768.000	-	-	243.440.000.000	544.701.512.000	1.177.307.256.000	-	-	-
- với cá nhân	1.022.066.400.000	-	-	337.384.472.000	281.017.600.000	1.078.433.272.000	-	-	-
Dự thu lãi từ các hợp đồng	44.830.109.754	-	-	241.647.925.845	191.017.505.446	95.460.530.153	-	-	-
Dự thu lãi trái phiếu	13.979.368.436	-	-	18.906.333.477	27.364.853.922	5.520.847.991	-	-	-
Phải thu ủy thác đầu tư	-	-	-	179.910.469.650	140.728.650.275	39.181.819.375	-	-	-
Các khoản phải thu khác	6.052.512.746	-	-	201.232.009.404	206.267.431.883	1.017.090.267	-	-	-
	2.573.424.015.422	-	-	7.631.525.950.379	7.756.382.540.606	2.448.567.425.195	430.189.600	-	289.592.720



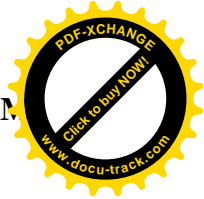
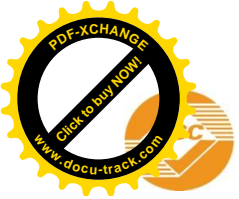
BCTN 2009

7. HÀNG TỒN KHO

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2009</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Nguyên liệu, vật liệu	74.961.000	358.325.000
Công cụ, dụng cụ	-	-
	74.961.000	358.325.000

8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2009</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008 số trình bày lại</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Tạm ứng	225.694.399	404.688.390
Cầm cố ký cược, ký quỹ	15.010.000.000	176.755.260
	15.235.694.399	581.443.650

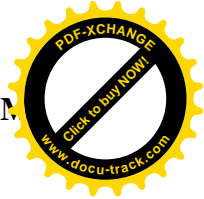
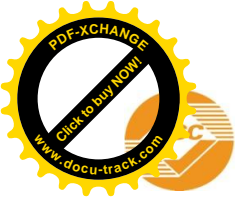


BCTN 2009

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

9.1 Tài sản cố định hữu hình

	<i>Máy móc thiết bị VND</i>	<i>Phương tiện vận tải VND</i>	<i>TSCĐ khác VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
Nguyên giá:				
Ngày 31 tháng 12 năm 2008	12.555.275.547	1.703.224.628	286.309.381	14.544.809.556
Tăng trong năm	1.490.103.918	-	53.153.034	1.543.256.952
<i>Mua trong năm</i>	1.257.403.518	-	53.153.034	1.310.556.552
<i>Phân loại lại từ TSCĐ thuê tài chính</i>	232.700.400	-	-	232.700.400
Giảm trong năm	-	-	-	-
<i>Bán thanh lý</i>	-	-	-	-
Ngày 31 tháng 12 năm 2009	14.045.379.465	1.703.224.628	339.462.415	16.088.066.508
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Ngày 31 tháng 12 năm 2008	7.094.360.732	1.539.969.630	259.965.395	8.894.295.757
Tăng trong năm	3.166.374.659	75.484.866	41.164.587	3.283.024.112
<i>Khấu hao</i>	2.933.674.259	75.484.866	41.164.587	3.050.323.712
<i>Phân loại lại từ TSCĐ thuê tài chính</i>	232.700.400	-	-	232.700.400
Giảm trong năm	-	-	-	-
<i>Bán thanh lý</i>	-	-	-	-
Ngày 31 tháng 12 năm 2009	10.260.735.391	1.615.454.496	301.129.982	12.177.319.869
Giá trị còn lại:				
Ngày 31 tháng 12 năm 2008	5.460.914.815	163.254.998	26.343.986	5.650.513.799
Ngày 31 tháng 12 năm 2009	3.784.644.074	87.770.132	38.332.433	3.910.746.639

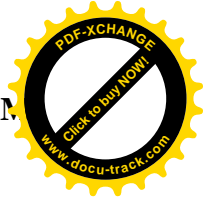
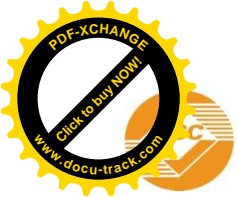


BCTN 2009

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)

9.2 Tài sản cố định vô hình

	<i>Phần mềm vi tính VND</i>	<i>Quyền sử dụng đất VND</i>	<i>Tài sản vô hình khác VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
Nguyên giá:				
Ngày 31 tháng 12 năm 2008	-	-	745.680.998	745.680.998
Tăng trong năm	-	-	200.000.000	200.000.000
<i>Mua mới</i>	-	-	200.000.000	200.000.000
Giảm trong năm	-	-	-	-
Ngày 31 tháng 12 năm 2009	-	-	945.680.998	945.680.998
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Ngày 31 tháng 12 năm 2008	-	-	65.634.972	65.634.972
Tăng trong năm	-	-	172.773.155	172.773.155
<i>Khấu hao</i>	-	-	172.773.155	172.773.155
Giảm trong năm	-	-	-	-
Ngày 31 tháng 12 năm 2009	-	-	238.408.127	238.408.127
Giá trị còn lại:				
Ngày 31 tháng 12 năm 2008	-	-	680.046.026	680.046.026
Ngày 31 tháng 12 năm 2009	-	-	707.272.871	707.272.871



BCTN 2009

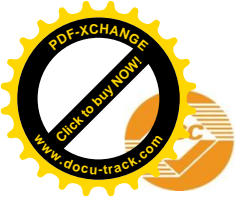
9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)

9.3 Tài sản cố định thuê tài chính

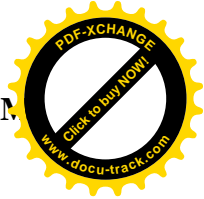
	<i>Máy móc thiết bị VND</i>	<i>Phương tiện vận chuyển VND</i>	<i>Tài sản thuê tài chính khác VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
Nguyên giá:				
Ngày 31 tháng 12 năm 2008	232.700.400	-	-	232.700.400
Tăng trong năm				
<i>Mua mới</i>	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
<i>Phân loại sang TSCĐ hữu hình</i>	232.700.400	-	-	232.700.400
Ngày 31 tháng 12 năm 2009	-	-	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Ngày 31 tháng 12 năm 2008	232.700.400	-	-	232.700.400
Tăng trong năm	-	-	-	-
<i>Khấu hao trong năm</i>	-	-	-	-
Giảm trong năm	232.700.400	-	-	232.700.400
<i>Phân loại sang TSCĐ hữu hình</i>	232.700.400	-	-	232.700.400
Ngày 31 tháng 12 năm 2009	-	-	-	-
Giá trị còn lại:				
Ngày 31 tháng 12 năm 2008	-	-	-	-
Ngày 31 tháng 12 năm 2009	-	-	-	-

10. TIỀN NỢP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2009 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008 VND</i>
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	508.745.542
Tiền nộp bổ sung hàng năm	4.952.520.392	3.197.421.384
Tiền lãi phân bổ hàng năm	848.038.109	77.203.104
	5.920.558.501	3.783.370.030



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM
BIDV SECURITIES COMPANY (BSC)

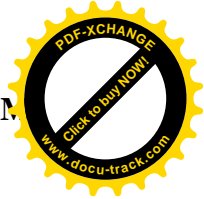
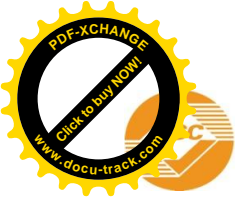


BCTN 2009

11. VAY NGẮN HẠN

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2009</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Vay ngắn hạn	<u>115.000.000.000</u>	<u>-</u>
	<u>115.000.000.000</u>	<u>-</u>

Đây là hai khoản vay bằng đồng Việt Nam từ Ngân hàng TMCP Các doanh nghiệp ngoài quốc doanh Việt Nam (VP Bank) với giá trị lần lượt là 75.000.000.000 đồng và 40.000.000.000 đồng với cùng kỳ hạn là 1 tháng và lãi suất 10,5%/ năm.



BCTN 2009

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2009 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008 VND</i>
Thuế giá trị gia tăng	36.346.941	16.075.404
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	4.866.666	-
Thuế khác	37.714.924	287.311.959
	78.928.531	303.387.363

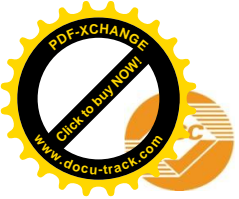
Thuế giá trị gia tăng

Công ty áp dụng luật thuế giá trị gia tăng với phương pháp tính thuế là phương pháp khấu trừ. Các hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh chứng khoán không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT.

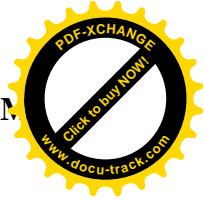
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:



**CÔNG TY CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM
BIDV SECURITIES COMPANY (BSC)**



BCTN 2009

	<i>Năm nay</i> <u>VND</u>	<i>Năm trước</i> <u>VND</u>
1. Lợi nhuận / (lỗ) trước thuế TNDN	436.736.385.710	(516.363.479.808)
Các khoản mục điều chỉnh:		
Trừ: Thu nhập được miễn thuế TNDN:		
Thu nhập từ cổ tức	(27.663.986.195)	(64.482.636.930)
Chuyển lỗ của những năm trước (*)	(409.072.399.515)	-
Cộng: Chi phí không được khấu trừ khi xác định lợi nhuận tính thuế	-	-
2. Thu nhập chịu thuế	-	(580.846.116.738)
3. Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	-	-
4. Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-
- Thuế TNDN phải nộp kỳ trước	(5.280.764.615)	16.914.933.413
- Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	-	(21.996.698.028)
- Điều chỉnh chênh lệch thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước	-	(199.000.000)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp cuối kỳ	<u>(5.280.764.615)</u>	<u>(5.280.764.615)</u>

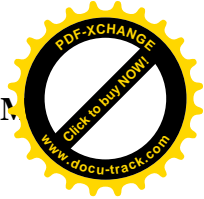
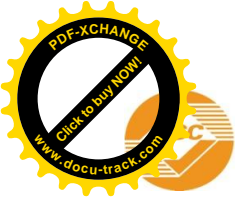
(*): Trong năm 2009, Công ty thực hiện chuyển lỗ từ năm trước cho mục đích tính thuế thu nhập hiện hành. Công ty không thực hiện tính và hạch toán thuế hoãn lại trên số lỗ còn lại chưa chuyển do không chắc chắn về khả năng tạo được lợi nhuận trong các năm tiếp theo để có thể cân trừ khoản lỗ này.

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (tiếp theo)

Chuyển lỗ

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang kỳ sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có khoản lỗ tính thuế là 580.846.116.738 đồng Việt Nam phát sinh trong năm 2008 có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

<i>Năm phát sinh</i>	<i>Có thể chuyển lỗ đến năm</i>	<i>Lỗ tính thuế VND</i>	<i>Đã chuyển lỗ đến ngày 31/12/2009 VND</i>	<i>Chưa chuyển lỗ tại ngày 31/12/2009 VND</i>
		(1)		
2008	2013	580.846.116.738	409.072.399.515	171.773.717.223



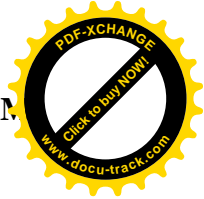
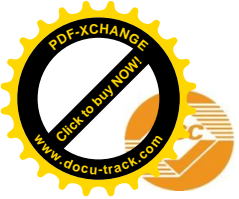
BCTN 2009

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2009</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Chi phí vốn cho các khoản đặt cọc mua Trái phiếu Chính phủ	151.905.761.111	53.963.500.002
Chi phí lãi dự cho các hợp đồng vay	673.083.883	-
Chi phí lãi dự trả cho tiền gửi của các nhà đầu tư	247.952.133	-
Chi phí phải trả khác	692.035.751	221.465.043
	<u>153.518.832.878</u>	<u>54.184.965.045</u>

14. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2009</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán với TTGDCK	272.074.032.000	214.885.581.000
Phải trả người đầu tư về giao dịch chứng khoán	137.292.850.676	230.752.402.313
<i>Tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư tại trụ sở chính</i>	<i>61.432.315.449</i>	<i>108.163.178.421</i>
<i>Tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư tại Chi nhánh Hà Nội</i>	<i>75.860.535.227</i>	<i>122.584.493.891</i>
<i>Tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư của các chi nhánh và phòng giao dịch khác</i>	<i>-</i>	<i>4.730.001</i>
Phải trả khác về hoạt động giao dịch chứng khoán	7.671.507.839	475.778.584
	<u>417.038.390.515</u>	<u>446.113.761.897</u>



BCTN 2009

15. PHẢI TRẢ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH CHỨNG KHOÁN

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2009</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	-	9.840.000
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam	-	25.300.000
Tổng Công ty Khí	-	24.767.400
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	-	3.600.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	-	20.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Đô thị và KCN Sông Đà	-	18.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí	-	110.288.340.000
Khác	-	2.163.800
	-	110.392.011.200

16. PHẢI TRẢ PHẢI NỢP KHÁC

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2009</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Kinh phí công đoàn	-	103.956.361
Bảo hiểm xã hội	886.600	36.465.184
Bảo hiểm y tế	132.990	5.258.844
Doanh thu ghi nhận trước	-	78.000.000
Phải trả từ hợp đồng cầm cố mua lại chứng khoán	60.537.400.000	-
Đặt cọc mua trái phiếu chính phủ theo các hợp đồng chịu chi phí vốn	2.255.000.000.000	2.803.000.000.000
Đặt cọc mua trái phiếu chính phủ theo các hợp đồng không chịu chi phí vốn ngoại trừ trường hợp không mua được trái phiếu	50.000.000.000	1.400.000.000.000
Phải trả phải nộp khác	988.081.812	3.938.673.467
	2.366.526.501.402	4.207.162.353.856

Trong năm 2008, Công ty đã ký kết các hợp đồng môi giới chứng khoán, trong đó, Công ty cam kết sẽ mua Trái phiếu Chính phủ cho khách hàng. Các hợp đồng này được ký kết dưới hai hình thức:



**CÔNG TY CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM
BIDV SECURITIES COMPANY (BSC)**

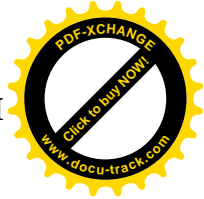
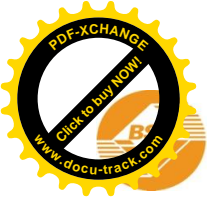
BCTN 2009

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	<i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND</i>	<i>Quỹ chênh lệch tỷ giá hối đoái VND</i>	<i>Quỹ đầu tư phát triển VND</i>	<i>Quỹ dự trữ pháp định và dự phòng tài chính VND</i>	<i>Lợi nhuận chưa phân phối VND</i>	<i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2009	700.000.000.000	-	92.009.778.586	34.671.134.540	(516.363.479.808)	1.614.750.344	311.932.183.662
Lợi nhuận thuần năm 2009	-	-	-	-	436.736.385.710	-	436.736.385.710
Đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ	-	104.397.901	-	-	-	-	104.397.901
BIDV chuyển tiền để trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	3.370.090.000	3.370.090.000
Sử dụng các quỹ	-	-	-	(2.162.085.205)	-	(2.827.775.240)	(4.989.860.445)
Khác	-	-	-	-	-	6.210.542	6.210.542
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	700.000.000.000	104.397.901	92.009.778.586	32.509.049.335	(79.627.094.098)	2.163.275.646	747.159.407.370

Theo qui định tại Thông tư 11/2000/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 1 tháng 2 năm 2000, công ty chứng khoán phải sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để lập quỹ như sau:

	<i>Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế</i>	<i>Mức trích lập tối đa</i>
Quỹ Dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ Dự trữ bắt buộc	5%	10% vốn điều lệ



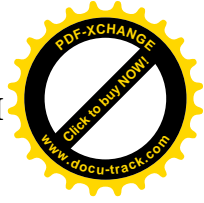
BCTN 2008

18. DOANH THU

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
	<i>VND</i>	<i>số trình bày lại</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
1. Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán		
Doanh thu môi giới chứng khoán cho người đầu tư	61.325.581.428	27.539.805.765
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	233.398.489.860	108.051.529.955
- Lãi bán cổ phiếu, trái phiếu	182.695.203.019	25.548.758.588
- Cổ tức	27.863.986.195	61.034.816.930
- Trái tức	22.839.300.646	21.467.954.437
Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	450.000.000	2.054.616.546
Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	1.000.000	-
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	8.688.152.010	1.463.952.350
Doanh thu lưu ký chứng khoán cho người đầu tư	3.817.784.603	2.671.623.069
Doanh thu về vốn kinh doanh	311.891.327.428	414.623.331.646
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
3. Doanh thu thuần	619.572.335.329	556.404.859.331

19. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

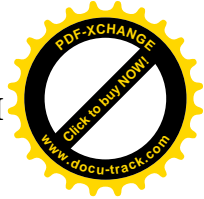
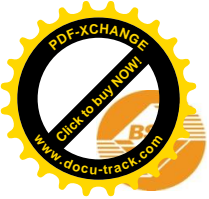
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
	<i>VND</i>	<i>số trình bày lại</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Chi phí môi giới chứng khoán cho người đầu tư	27.315.339.698	12.594.750.034
Chi phí lưu ký chứng khoán cho người đầu tư	900.776.536	611.719.313
Chi phí tự doanh chứng khoán	144.654.377.932	69.689.954.090
Chi phí bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	-	40.000.000
Chi phí tư vấn cho người đầu tư	492.290.547	148.857.365
Chi phí dự phòng hoạt động kinh doanh chứng khoán	(445.291.700.023)	583.308.416.799
Chi phí vốn kinh doanh chứng khoán	403.915.247.806	368.816.025.188
Chi phí trực tiếp chung về hoạt động kinh doanh	16.921.727.876	14.783.190.844
	148.908.060.372	1.049.992.913.633



BCTN 2008

20. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Năm nay</i> <u>VND</u>	<i>Năm trước</i> <u>VND</u>
Chi phí nhân viên	6.804.696.008	4.381.992.205
Chi phí vật liệu quản lý	816.042.357	181.259.933
Chi công cụ, đồ dùng văn phòng	344.751.281	134.653.081
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.223.096.867	2.388.529.441
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.844.989.223	11.768.137.362
Thuê, phí và lệ phí	1.034.341.880	778.484.390
Chi dự phòng các khoản phải thu khó đòi	289.592.720	-
Chi phí khác bằng tiền	4.274.458.784	3.112.829.199
	<u>31.631.969.120</u>	<u>22.745.885.611</u>



BCTN 2008

21. THÔNG TIN KHÁC

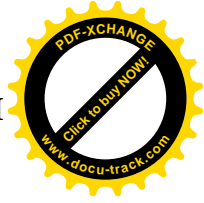
21.1 Giao dịch với các bên liên quan

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm 2009 bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số tiền (VND)</i>
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)	Công ty mẹ	Giảm đặt cọc mua trái phiếu Chính phủ theo các Hợp đồng môi giới chứng khoán	(1.600.000.000.000)
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)	Công ty mẹ	Thanh toán chi phí tiền thuê nhà	4.858.429.091
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)	Công ty mẹ	Thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	9,075,598,868
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)	Công ty mẹ	Thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	3.843.734.342
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)	Công ty mẹ	Trả chi phí vốn ủy thác mua trái phiếu	15.400.000.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)	Công ty mẹ	Thu lãi trái phiếu BIDV	8.695.683.122
Công ty Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Công ty con cùng Công ty mẹ	Trả chi phí vốn ủy thác mua trái phiếu	30.686.250.000

Số dư Công ty với các bên liên quan tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2009 bao gồm:

<i>Công ty liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Các giao dịch</i>	<i>Khoản phải thu (VND)</i>	<i>Khoản phải trả (VND)</i>
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)	Công ty mẹ	Tiền gửi của Nhà đầu tư tại BIDV	171.389.109.394	-
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)	Công ty mẹ	Tiền gửi của BSC tại BIDV	178.492.123.876	-
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)	Công ty mẹ	Đầu tư vào Trái phiếu BIDV	90.441.000.000	-
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)	Công ty mẹ	Dự thu lãi Trái phiếu BIDV	5.476.467.065	-
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)	Công ty mẹ	Dự trả chi phí vốn	-	61.844.444.444
Công ty đầu tư tài chính Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Công ty con cùng Công ty mẹ	Tiền ủy thác đầu tư	39.140.827.142	-



BCTN 2008

21. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

21.2 Giao dịch với các bên liên quan

Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2009</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Đến 1 năm	8.101.142.002	1.337.431.800
Trên 1 – 5 năm	-	-
Trên 5 năm	-	-

Các khoản tiền thuê này được xác định trên cơ sở giá thuê trên hợp đồng hiệu lực vào ngày 31 tháng 12 năm 2009. Các khoản tiền thuê phải trả bằng tiền đô la Mỹ được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá liên ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 17.941 VND/USD.

21.3 Các sự kiện phát sinh sau kỳ kế toán năm

Trong năm 2009, Công ty đã có Nghị quyết của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam phê duyệt kế hoạch cổ phần hóa. Theo đó, Công ty đang tiến hành các bước chuẩn bị phục vụ cho mục đích cổ phần hóa trong năm 2010.

Ngoài ra, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

22. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các báo cáo tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm kết thúc cùng ngày được Ban Giám đốc phê duyệt để phát hành vào ngày 11 tháng 3 năm 2010.

Trần Ngọc Diệp
Kế toán

Hà Thị Kim Chi
Phụ trách P. Tài chính Kế
toán

Đỗ Huy Hoài
Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 11 tháng 3 năm 2010